VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 11 năm 2021 hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất

(Tiếp theo Công báo số 1005 + 1006)

Phụ lục II

MẪU HỒ SƠ MỜI ĐÀM PHÁN

ĐỐI VỚI DỰ ÁN PPP ÁP DỤNG HÌNH THỨC ĐÀM PHÁN CẠNH TRANH THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 2 VÀ KHOẢN 3 ĐIỀU 38 CỦA LUẬT PPP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

HỒ SƠ MỜI ĐÀM PHÁN

PHẦN 1. THỦ TỤC MỜI ĐÀM PHÁN CẠNH TRANH

CHƯƠNG II. BẢNG DỮ LIỆU

CDNĐT 1.1	Tên và địa chỉ của bên mời thầu: - Tên bên mời thầu:___ *[ghi tên bên mời thầu]* - Đại diện:___ *[ghi tên đầy đủ của người đại diện]* - Số nhà/số tầng/số phòng:__ *[ghi số nhà, số tầng, số phòng (nếu có)]* - Tên đường, phố:___ *[ghi tên đường, phố]* - Thành phố:___ *[ghi tên thành phố hoặc thị trấn]* - Mã bưu điện:___ *[ghi mã bưu điện (nếu có)]*

	- Số điện thoại:___ *[ghi số điện thoại, gồm mã nước và mã thành phố]* - Số fax:___ *[ghi số fax, gồm mã nước và mã thành phố]* - Địa chỉ e-mail:___ *[ghi địa chỉ email (nếu có)]*
CDNĐT 1.2	Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay mà nhà đầu tư phải thu xếp và huy động: - Vốn chủ sở hữu tối thiểu mà nhà đầu tư phải thu xếp[(1)]:___ *[ghi vốn chủ sở hữu tối thiểu yêu cầu nhà đầu tư phải thu xếp bằng số và bằng chữ]* - Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp tối thiểu:___ *[ghi giá trị bằng số và bằng chữ]*
CDNĐT 1.3	Thông tin cơ bản của dự án gồm: *[ghi tóm tắt thông tin cơ bản của dự án theo nội dung dưới đây trên cơ sở quyết định chủ trương đầu tư]* a) Tên dự án:_____ b) Loại hợp đồng:_____ c) Tên cơ quan có thẩm quyền:_____ d) Tên cơ quan ký kết hợp đồng với nhà đầu tư:_____ đ) Tên đơn vị chuẩn bị dự án:_____ e) Yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật, tiêu chuẩn, chất lượng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp, phương án tổ chức quản lý, kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ theo Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; g) Tổng mức đầu tư của dự án[(2)]; vốn nhà nước trong dự án PPP (nếu có):_____

[(1)] Yêu cầu về vốn chủ sở hữu tối thiểu của nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 77 của Luật PPP và trùng khớp với Mục 3.3 Chương III - Đánh giá HSNLKN.

[(2)] Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng O&M, tổng mức đầu tư được xác định theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

	h) Dự kiến tiến độ triển khai dự án gồm:____ *[ghi thời gian lập báo cáo nghiên cứu khả thi; thời gian tổ chức lựa chọn nhà đầu tư; thời gian xây dựng, hoàn thành và đưa công trình vào khai thác]*. i) Các nội dung khác:_____
CDNĐT 3.2	- Nhà thầu tư vấn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi:___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]*, trừ trường dự án do nhà đầu tư đề xuất mà nhà đầu tư đó tham dự thầu; - Tư vấn thẩm tra, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]* - Tư vấn lập HSMĐP (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]* - Tư vấn thẩm định HSMĐP (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]* - Tư vấn đánh giá HSDĐP (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]* - Tư vấn lập hồ sơ mời thầu (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];* - Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];* - Tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];* - Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];* - Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];* - Tư vấn kiểm định dự án PPP (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]*.

CDNĐT 5.4	Hội nghị tiền đấu thầu____ *[ghi "sẽ" hoặc "sẽ không"]* được tổ chức. *[Trường hợp hội nghị được tổ chức:_____ [ghi ngày, giờ, địa điểm tổ chức hội nghị]].*
CDNĐT 6.1	Bên mời thầu____ *[ghi "sẽ" hoặc "sẽ không'']* tổ chức khảo sát hiện trường. *[Trường hợp bên mời thầu hướng dẫn nhà đầu tư khảo sát hiện trường thì ghi rõ thời gian, địa điểm]*
CDNĐT 7.2	Văn bản sửa đổi HSMĐP sẽ được bên mời thầu đăng tải trên Hệ thống trước ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu_____ ngày *[ghi số ngày cụ thể, bảo đảm đủ thời gian để nhà đầu tư hoàn chỉnh HSDĐP]*
CDNĐT 9	*[ghi rõ ngôn ngữ của HSDĐP:* *- Đối với đàm phán cạnh tranh quốc tế:* HSDĐP cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDĐP trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời thầu được viết bằng:_____ *[Trường hợp HSMĐP được viết bằng tiếng Anh thì ghi "tiếng Anh''; HSMĐP được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi "Nhà đầu tư có thể lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt để lập HSDĐP căn cứ vào nội dung của bản HSMĐP bằng tiếng Anh".* Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDĐP có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang_____ *[Trường hợp HSMĐP được viết bằng tiếng Anh thì ghi "tiếng Anh''; HSMĐP được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi "ngôn ngữ mà nhà đầu tư lựa chọn để lập HSDĐP"].* Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung. *- Đối với đàm phán cạnh tranh trong nước:* HSDĐP cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDĐP trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt.

	Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDĐP có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung.*]*
CDNĐT 10.3	Nhà đầu tư phải nộp cùng với HSDĐP các tài liệu sau đây:___ *[ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của HSDĐP ngoài các nội dung quy định tại Mục 10.1 và Mục 10.2 CDNĐT trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất, loại hợp đồng dự án cụ thể và không làm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là "không áp dụng"]*.
CDNĐT 12.1	Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư: a) Đối với nhà đầu tư độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau: Bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp. b) Đối với nhà đầu tư liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây: - Các tài liệu nêu tại điểm a Mục này đối với từng thành viên liên danh; - Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo Mẫu số 03 Chương VI - Biểu mẫu dự thầu.
CDNĐT 12.2	a) Đồng tiền dùng để đánh giá:_____ *[ghi cụ thể 01 loại đồng tiền. Đối với lựa chọn nhà đầu tư trong nước thì là VND. Đối với lựa chọn nhà đầu tư quốc tế thì có thể quy định là VND hoặc USD hoặc EUR...]* - Đồng tiền trung gian là:_____ *[ghi đồng tiền trung gian dùng để quy đổi về đồng tiền dùng để đánh giá]*.

	- Thời điểm xác định tỷ giá quy đổi là:_____ *[ghi thời điểm xác định tỷ giá quy đổi]*. - Căn cứ xác định tỷ giá quy đổi:____ *[ghi cách tính tỷ giá chéo (tỷ giá mua vào, bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam)]*. b) Nhà đầu tư phải nộp cùng với HSDĐP các tài liệu sau đây:___ *[ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của HSDĐP ngoài các nội dung quy định tại điểm a Mục 12.2 CDNĐT trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất, loại hợp đồng dự án cụ thể và không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là "không áp dụng"]*.
CDNĐT 13.1	Thời hạn hiệu lực của HSDĐP là:____ngày *[ghi cụ thể số ngày phù hợp, bảo đảm tiến độ thực hiện các công việc]* kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNĐT 14.1	- Số lượng bản chụp HSDĐP là:___ *[ghi số lượng bản chụp cần thiết]*
CDNĐT 16.1	- Thời điểm đóng thầu là:__ giờ___ phút, ngày___ tháng___ năm___ *[ghi thời điểm đóng thầu bảo đảm quy định thời gian từ ngày đầu tiên phát hành HSMĐP đến ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu là 30 ngày đối với lựa chọn nhà đầu tư trong nước hoặc 45 ngày đối với lựa chọn nhà đầu tư quốc tế và không ghi thời điểm đóng thầu vào đầu giờ làm việc của một ngày để không làm hạn chế nhà đầu tư nộp HSDĐP]*.
CDNĐT 19.2	Thời điểm mở thầu là:___ giờ___ phút, ngày__ tháng__ năm__ *[ghi ngày, giờ tiến hành việc mở thầu, trong đó cần lưu ý quy định thời điểm mở thầu trong vòng 01 giờ kể từ thời điểm đóng thầu]* tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ như sau:

	- Số nhà/số tầng/số phòng:__ *[ghi số nhà, số tầng, số phòng (nếu có)]* - Tên đường, phố:___ *[ghi tên đường, phố]* - Thành phố:___ *[ghi tên thành phố hoặc thị trấn]*
CDNĐT 22.2	HSDĐP của nhà đầu tư có số điểm cao nhất được xếp thứ nhất. Trường hợp có nhiều hơn 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu thì lựa chọn____ *[căn cứ quy mô, tính chất, loại hợp đồng dự án cụ thể; nội dung đàm phán dự kiến; nguồn lực cơ sở vật chất, thành phần Tổ chuyên gia, nhân sự dự kiến có liên quan và các yếu tố khác (nếu có) của bên mời thầu tham gia quá trình đàm phán, bên mời thầu quy định số lượng nhà đầu tư trong danh sách ngắn bảo đảm tối thiểu là 03 nhà đầu tư và tối đa là 06 nhà đầu tư]* nhà đầu tư xếp hạng cao nhất vào danh sách ngắn.
CDNĐT 26.2	Thời hạn nhà đầu tư phải thông báo cho bên mời thầu bằng văn bản về việc tham dự hoặc không tham dự đàm phán là:____ ngày *[ghi cụ thể số ngày phù hợp, bảo đảm nhà đầu tư có đủ thời gian để bố trí người đại diện tham gia đàm phán]* kể từ ngày bên mời thầu mời nhà đầu tư tham dự đàm phán.
CDNĐT 27.1	Địa chỉ nhận đơn kiến nghị: a) Địa chỉ của bên mời thầu:_____ *[ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của bên mời thầu]*. b) Địa chỉ của cơ quan có thẩm quyền:_____ *[ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền]*.
CDNĐT 29	Thông tin của cá nhân, đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát, theo dõi:____ *[ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax của cá nhân, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ thực hiện giám sát, theo dõi quá trình lựa chọn nhà đầu tư của dự án (nếu có); trường hợp không thực hiện giám sát, theo dõi thì ghi "không áp dụng"]*.

CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ HSDĐP:

1.1. Kiểm tra HSDĐP

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDĐP;

b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSNLKN thuộc HSDĐP, gồm: Đơn dự đàm phán; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự đàm phán; giấy ủy quyền (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư và các thành phần khác thuộc HSNLKN theo quy định tại Mục 10.1 CDNĐT. HSĐXKTTCTM thuộc HSDĐP được giữ nguyên niêm phong và bảo quản theo chế độ mật;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp HSNLKN để phục vụ quá trình đánh giá HSNLKN và tổ chức đàm phán.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ HSDĐP

HSDĐP của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSDĐP;

b) Có đơn dự đàm phán được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự đàm phán phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đơn dự đàm phán được coi là không hợp lệ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có), không được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc thành viên thay mặt liên danh ký đơn dự đàm phán theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) đối với trường hợp liên danh;

- Được ký trước khi bên mời thầu phát hành HSMĐP, ký trước khi có giấy ủy quyền ký đơn dự đàm phán (nếu có), ký trước khi ký thỏa thuận liên danh đối với trường hợp liên danh;

- Kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu hoặc bỏ sót các nội dung quan trọng nêu trong Mẫu đơn dự đàm phán dẫn đến không bảo đảm toàn bộ trách nhiệm và cam kết của nhà đầu tư trong quá trình tham dự thầu và thực hiện hợp đồng nếu được công nhận trúng thầu.

c) Trường hợp liên danh, có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị vốn chủ sở hữu mà từng thành viên liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh theo Mẫu số 03 Chương VI - Biểu mẫu dự thầu;

d) Nhà đầu tư không có tên trong hai hoặc nhiều HSDĐP với tư cách là nhà đầu tư độc lập hoặc thành viên liên danh;

đ) Nhà đầu tư không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư PPP; không phải là nhà thầu đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

e) Thời hạn hiệu lực của HSDĐP đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 13 CDNĐT;

g) Nhà đầu tư có tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 CDNĐT.

Nhà đầu tư có HSDĐP được coi là "Hợp lệ" khi tất cả các nội dung được đánh giá là "Đáp ứng". HSDĐP của nhà đầu tư được coi là "Không hợp lệ" khi có bất kỳ nội dung nào được đánh giá là "Không đáp ứng" và khi đó HSDĐP của nhà đầu tư bị loại. Nhà đầu tư có HSDĐP hợp lệ được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 2. Đánh giá về lịch sử kê khai tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện

Nhà đầu tư phải kê khai lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện theo Mẫu số 05 Chương VI - Biểu mẫu dự thầu. Nhà đầu tư bảo

đảm việc kê khai nội dung này là đầy đủ và trung thực, nếu bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà đầu tư nào đang có các vụ kiện tụng mà không kê khai thì được coi là hành vi gian lận theo quy định tại khoản 11 Điều 10 Luật PPP và HSDĐP sẽ bị loại. Trường hợp sau khi có kết quả giải quyết tranh chấp dẫn đến vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án thì nhà đầu tư phải cập nhật vốn chủ sở hữu để chứng minh đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án theo HSMĐP, nếu nhà đầu tư vẫn không đáp ứng sẽ bị loại.

Mục 3. Đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và phương án sơ bộ triển khai thực hiện dự án

3.1. Việc đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và phương án sơ bộ triển khai thực hiện dự án sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm___ *[quy định là 100 hoặc 1.000]* trong đó mức yêu cầu tối thiểu để đáp ứng yêu cầu là___ % tổng số điểm *[quy định giá trị % nhưng không được thấp hơn 60%]* và điểm đánh giá của từng nội dung yêu cầu cơ bản tối thiểu là___ % điểm tối đa của nội dung đó *[quy định giá trị % nhưng không thấp hơn 50%]*.

3.2. Đối với nhà đầu tư liên danh:

a) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh. Đồng thời, từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần góp vốn chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh được đánh giá là không đáp ứng thì nhà đầu tư liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu.

Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15%.

b) Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp được đánh giá theo tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay các thành viên liên danh có khả năng thu xếp.

c) Kinh nghiệm thực hiện dự án của nhà đầu tư liên danh bằng tổng số dự án của các thành viên liên danh đã thực hiện.

Đối với kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công, phải có ít nhất một thành viên liên danh có

kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công đáp ứng yêu cầu của dự án đang xét. Trường hợp sử dụng đối tác, phải có thỏa thuận hợp tác được ký kết giữa nhà đầu tư đứng đầu liên danh và đối tác.

Đối với kinh nghiệm thực hiện dự án sử dụng kỹ thuật, công nghệ mà nhà đầu tư dự kiến đề xuất thực hiện dự án, phải có ít nhất một thành viên liên danh có kinh nghiệm hoặc nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải thỏa thuận hợp tác với đối tác có kinh nghiệm thực hiện dự án/gói thầu/hợp đồng sử dụng kỹ thuật, công nghệ mà nhà đầu tư dự kiến đề xuất đối với dự án đang xét. Trường hợp sử dụng đối tác, phải có thỏa thuận hợp tác được ký kết giữa nhà đầu tư đứng đầu liên danh và đối tác.

3.3. Việc đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và phương án sơ bộ triển khai thực hiện dự án của nhà đầu tư được thực hiện theo Bảng số 01 dưới đây:

Bảng số 01

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM VÀ PHƯƠNG ÁN SƠ BỘ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[(1)]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
I. Năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư (*chiếm tỷ trọng 80 - 90% tổng số điểm*)						
Năng lực của nhà đầu tư *(chiếm tỷ trọng 30 - 40% tổng số điểm của tiêu chuẩn tại Mục I Bảng này)*						
1	Quyền sử dụng kỹ thuật, công nghệ				a) Kỹ thuật, công nghệ mà nhà đầu tư dự kiến đề xuất thực hiện dự án phải đáp ứng yêu cầu sau: - Thuộc Danh mục công nghệ cao ưu tiên đầu tư phát triển được ban hành kèm theo Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg đối với dự án ứng dụng công nghệ cao; - Thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao tại Phụ lục I kèm theo	Tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp kỹ thuật, công nghệ đã đề xuất

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[(1)]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					Nghị định số 76/2018/NĐ-CP đối với dự án ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch; - Thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP hoặc được Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định công bố công nghệ mới được tạo ra tại Việt Nam theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP đối với dự án ứng dụng công nghệ mới. b) Nhà đầu tư phải có quyền sử dụng hợp pháp kỹ thuật và công nghệ dự kiến đề xuất thực hiện dự án thông qua các tài liệu cụ thể như sau: - Các văn bản bảo hộ đối tượng sở hữu trí tuệ hoặc đơn đăng ký bảo hộ đối	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[(1)]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					tượng sở hữu trí tuệ đã được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ; hoặc - Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghệ hoặc hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng công nghệ (trong đó nhà thầu được chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho bên thứ ba) được đăng ký với Cục Sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ) hoặc Quyết định công bố công nghệ mới được tạo ra tại Việt Nam	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[1]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					của Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, pháp luật về đầu tư.	
2	Vốn chủ sở hữu[2]				Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp là:_____ [*ghi giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu của nhà đầu tư theo quy định tại Mục 1.2* ***BDL****]*	Mẫu số 06
3	Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp [3]				Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp tối thiểu là:_____ *[ghi giá trị theo quy định tại Mục 1.2* ***BDL****]*	Mẫu số 06, Mẫu số 07
Kinh nghiệm thực hiện dự án của nhà đầu tư ***(chiếm tỷ trọng 50-60% tổng số điểm của tiêu chuẩn tại Mục I Bảng này)*** [4]						
4	Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự (không áp dụng đối với loại hợp đồng O&M)				Số lượng dự án mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu chính:_____ dự án *[ghi số lượng theo yêu cầu]* để đạt điểm	Mẫu số 08

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[1]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					yêu cầu tối thiểu. Cách xác định dự án như sau[5]: a) Loại 1: Dự án trong lĩnh vực_____ *[ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét]* mà nhà đầu tư tham gia với vai trò nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng___năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 05 - 07 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: - Có tổng mức đầu tư tối thiểu là_____ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét]*.	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[(1)]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					- Nhà đầu tư đã góp vốn chủ sở hữu với giá trị tối thiểu là_____ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét theo quy định tại Mục 1.2* ***BDL****].* b) Loại 2: Dự án đầu tư theo phương thức PPP; dự án đầu tư để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công mà nhà đầu tư tham gia với vai trò nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng___ năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 05 - 07 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: - Có tổng mức đầu tư tối thiểu là_____ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng*	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[(1)]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					50% - 70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét]. - Nhà đầu tư đã góp vốn chủ sở hữu với giá trị tối thiểu là_____ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét theo quy định tại Mục 1.2* ***BDL****].* c) Loại 3: Dự án trong lĩnh vực tương tự mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà thầu chính xây lắp, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng___ năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 - 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: - Có phạm vi công việc tương tự với phần công việc chính của dự án đang	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[(1)]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					xét_____ *[bên mời thầu quy định cụ thể tính chất tương tự];* - Có giá trị tối thiểu là____ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30% - 70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét]*. d) Loại 4: Dự án trong lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà thầu chính, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng___ năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 - 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: - Có phạm vi công việc tương tự với phần công việc chính của dự án đang	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[1]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					xét_____ *[bên mời thầu quy định cụ thể tính chất tương tự];* - Có giá trị tối thiểu là____ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30% - 70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét].*	
5	Kinh nghiệm thực hiện dự án sử dụng kỹ thuật, công nghệ mà nhà đầu tư dự kiến đề xuất đối với dự án đang xét [6]				Số lượng dự án tương tự trong lĩnh vực_____ *[ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét]* mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu chính, đối tác:_____ dự án *[ghi số lượng theo yêu cầu]* để đạt điểm yêu cầu tối thiểu. Cách xác định dự án như sau[7]: a) Loại 1: Dự án mà nhà đầu tư đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng___năm trở lại đây *[ghi số năm,*	Mẫu số 08

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[(1)]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					thông thường trong khoảng từ 05 - 07 năm trước năm có thời điểm đóng thầu] với vai trò là nhà đầu tư và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: - Có tổng mức đầu tư tối thiểu là_____ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét]* - Nhà đầu tư đã góp vốn chủ sở hữu với giá trị tối thiểu là_____ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét theo quy định tại Mục 1.2* ***BDL****].* b) Loại 2: Dự án/gói thầu/hợp đồng mà nhà đầu tư đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng___ năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong*	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[(1)]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					khoảng từ 03 - 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu] với vai trò là nhà thầu chính có giá trị tối thiểu là____ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30% - 70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét]*. c) Loại 3: Dự án đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng___ năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 - 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* của đối tác (đối với trường hợp nhà đầu tư có thỏa thuận hợp tác với đối tác) với giá trị hoặc tổng mức đầu tư tối thiểu bằng__ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét]*.	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[1]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
6	Kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công[8]				Số lượng dự án (trong đó gồm nội dung công việc vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công) tương tự trong lĩnh vực_____ *[ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét]* mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu chính, đối tác:_____ dự án *[ghi số lượng theo yêu cầu]* để đạt điểm yêu cầu tối thiểu. Cách xác định dự án như sau[9]: a) Loại 1: Dự án mà nhà đầu tư đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng___ năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 05 - 07 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* với vai trò là nhà đầu tư và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:	Mẫu số 08

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[(1)]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					- Có tổng mức đầu tư tối thiểu là_____ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét]* - Nhà đầu tư đã góp vốn chủ sở hữu với giá trị tối thiểu là_____ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét theo quy định tại Mục 1.2* ***BDL****].* b) Loại 2: Dự án/gói thầu/hợp đồng mà nhà đầu tư đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng___ năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 - 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* với vai trò là nhà thầu chính vận hành, kinh doanh công	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[(1)]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công với giá trị tối thiểu là____ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30% - 70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét]*. c) Loại 3 (không áp dụng đối với loại hợp đồng O&M): Dự án đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng____ năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 - 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* của đối tác (đối với trường hợp nhà đầu tư có thỏa thuận hợp tác với đối tác để tham gia thực hiện công việc vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công trong dự án đang xét) với giá trị hoặc	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[1]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					tổng mức đầu tư tối thiểu bằng_____ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét]*.	
7	Kinh nghiệm thực hiện dự án PPP tương tự tại các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (Organization for Economic Cooperation and Development - OECD)[10]				Số lượng dự án đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng___ năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 - 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* mà nhà đầu tư tham gia với vai trò nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu là_____ dự án *[ghi số lượng theo yêu cầu]* để đạt điểm yêu cầu tối thiểu và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: - Sử dụng giải pháp kỹ thuật, công nghệ mà nhà đầu tư đề xuất đối với dự án đang xét.	Mẫu số 08

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[(1)]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					- Trong lĩnh vực_____ *[ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét];* - Có tổng mức đầu tư tối thiểu là_____ *[ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 50% - 70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét].*	
II. Phương pháp triển khai thực hiện dự án sơ bộ và cam kết thực hiện dự án *(chiếm tỷ trọng 10 - 20% tổng số điểm)*						Mẫu số 09
1	Cách tiếp cận và phương pháp luận (gồm nhận xét về báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của dự án)					
2	Đề xuất sơ bộ cách thức triển khai dự án (gồm khả năng triển khai xây dựng,				Nhà đầu tư trình bày cách thức triển khai dự án (gồm khả năng triển khai xây dựng, kinh doanh, khai thác công	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[1]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
	kinh doanh, khai thác công trình dự án, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công; sáng kiến cải tiến) và cam kết thực hiện dự án				trình dự án, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công; sáng kiến cải tiến). Phương thức kinh doanh, khai thác công trình dự án, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công của doanh nghiệp dự án đáp ứng các yêu cầu sau: - Phù hợp với cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp dự án, với mối quan hệ giữa các thành viên Liên danh (nếu có) và với các bên có liên quan; - Có cam kết phù hợp của các thành viên Liên danh trong việc thực hiện các nghĩa vụ triển khai dự án (nếu có) - Phù hợp và logic với phương án tài chính sơ bộ; - Phù hợp với tiến độ/phân kỳ dự án;	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[1]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu	Tài liệu cần nộp
					- Có sự phân bổ rủi ro dự kiến phù hợp giữa doanh nghiệp dự án, nhà thầu và các bên liên quan khác (nếu có); - Huy động nhân sự có kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp;	
3	Yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt (nếu cần thiết)					
III	**Các tiêu chuẩn khác[11]**					

Ghi chú:

(1) Bên mời thầu quy định chi tiết hơn thang điểm đánh giá đối với từng tiêu chuẩn.

[Ví dụ: Đối với tiêu chuẩn "Kinh nghiệm của nhà đầu tư", bên mời thầu có thể quy định thang điểm chi tiết như sau:

- Nhà đầu tư đã thực hiện 1 - 2 dự án: 50% điểm tối đa;

- Nhà đầu tư đã thực hiện 3 - 4 dự án: 70% điểm tối đa;

- Nhà đầu tư đã thực hiện từ 5 dự án trở lên: 100% điểm tối đa.]

(2) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định trên cơ sở các số liệu tài chính của nhà đầu tư trong báo cáo tài chính của nhà đầu tư năm gần nhất đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (nếu có). Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm đóng thầu hoặc Báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm gần nhất trước thời điểm đóng thầu theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán. Trường hợp đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ góp vốn chủ sở hữu thì đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ có văn bản cam kết và báo cáo tài chính chứng minh đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo phương án tài chính của dự án PPP.

Trường hợp tại cùng một thời điểm, nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư lập danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định;

Tại thời điểm ký kết hợp đồng dự án PPP, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP có trách nhiệm gửi cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP phương án đảm bảo huy động đủ vốn chủ sở hữu và các tài liệu chứng minh đảm

bảo đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu theo quy định tại hợp đồng dự án PPP, làm cơ sở giám sát huy động vốn của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP.

Nhà đầu tư phải kê khai thông tin, cung cấp các tài liệu về năng lực tài chính theo Mẫu số 06 Chương VI - Biểu mẫu dự thầu và cung cấp cam kết về việc huy động vốn chủ sở hữu theo Mẫu số 07 Chương VI - Biểu mẫu dự thầu.

(3) Nhà đầu tư phải cung cấp cam kết huy động vốn vay theo Mẫu số 07 Chương VI - Biểu mẫu dự thầu. Nhà đầu tư nộp kèm theo văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng, tổ chức tín dụng hoặc bên cho vay khác theo quy định của pháp luật đối với phần nghĩa vụ tài chính còn lại (ngoài vốn chủ sở hữu) thuộc trách nhiệm thu xếp của nhà đầu tư.

(4) Kinh nghiệm của nhà đầu tư:

(i) Các dự án/gói thầu nhà đầu tư thực hiện phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng theo hợp đồng đã ký kết mới được xem xét, đánh giá.

(ii) Hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn:

- Đối với dự án/gói thầu có cấu phần xây dựng: Dự án đã được xác nhận hoàn thành hoặc nghiệm thu hạng mục công trình, công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng hoặc đang trong giai đoạn vận hành hoặc đã kết thúc theo quy định.

- Đối với dự án, gói thầu không có cấu phần xây dựng: Dự án, gói thầu đang trong giai đoạn vận hành hoặc đã kết thúc theo quy định.

(iii) Đối với dự án có quy mô đầu tư lớn, không có nhà đầu tư có kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự, bên mời thầu căn cứ dữ liệu về các dự án đã thực hiện, khả năng phân kỳ đầu tư của dự án đang xét để xác định yêu cầu về kinh nghiệm của nhà đầu tư. Trong trường hợp này, yêu cầu về kinh nghiệm của nhà đầu tư có thể được chỉnh sửa theo hướng thấp hơn so với hướng dẫn nhưng phải bảo đảm phù hợp với thực tế cũng như yêu cầu thực hiện dự án. Bên cạnh đó, trong quá trình xem xét, đánh giá, bên mời thầu phải bảo đảm nhà đầu tư có đầy đủ năng lực tài chính, năng lực kỹ thuật để thực hiện dự án. Yêu cầu thực hiện dự án trong HSMST, hồ sơ mời thầu cũng như hợp đồng phải bảo đảm quy định đầy đủ trách nhiệm của nhà đầu tư cũng như biện pháp xử lý (xử phạt, đền bù thiệt hại, xử lý

trong giai đoạn tiếp theo) trong trường hợp nhà đầu tư thực hiện dự án không đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng. Đồng thời, cơ quan có thẩm quyền có thể quy định giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3% tổng mức đầu tư của dự án.

(6) Trường hợp dự án được kê khai để chứng minh kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự, trong đó có sử dụng kỹ thuật, công nghệ mà nhà đầu tư dự kiến đề xuất thực hiện dự án đang xét thì được sử dụng để chứng minh tính đáp ứng đối với tiêu chuẩn này.

Đối với các đối tác cùng thực hiện dự án, phải yêu cầu nhà đầu tư cung cấp hợp đồng nguyên tắc, thỏa thuận giữa nhà đầu tư và đối tác hoặc cam kết của đối tác về việc tham gia thực hiện dự án.

Đối với dự án ứng dụng công nghệ mới thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP hoặc được Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định công bố công nghệ mới được tạo ra tại Việt Nam theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP mà không có nhà đầu tư có kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự, bên mời thầu không áp dụng tiêu chuẩn này.

(5), (7), (9) Nhà đầu tư chỉ được trích dẫn kinh nghiệm thực hiện một dự án tương tự một lần duy nhất trong tiêu chuẩn này.

Cách thức quy đổi các dự án:_____ *[bên mời thầu quy định 01 dự án thuộc loại 2 hoặc 3 bằng tối đa 0,75 dự án thuộc loại 1; 01 dự án thuộc loại 4 bằng tối đa 0,5 dự án thuộc loại 1 và cách thức làm tròn số trong trường hợp số lượng dự án được quy đổi là số lẻ]*.

(8) Trường hợp dự án được kê khai để chứng minh kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự, trong đó gồm công việc vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công thì được sử dụng để chứng minh tính đáp ứng đối với tiêu chuẩn này.

Đối với các đối tác cùng thực hiện dự án, phải yêu cầu nhà đầu tư cung cấp hợp đồng nguyên tắc, thỏa thuận giữa nhà đầu tư và đối tác hoặc cam kết của đối tác về việc tham gia thực hiện dự án.

(10) Tiêu chuẩn này chỉ áp dụng đối với lựa chọn nhà đầu tư quốc tế. Căn cứ tính chất, yêu cầu cụ thể của dự án bên mời thầu xác định tiêu chuẩn ưu tiên và tỷ trọng điểm phù hợp.

(11) Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực và điều kiện riêng biệt (nếu có) của dự án, bên mời thầu đưa ra các tiêu chuẩn phù hợp khác như: giá trị tài sản ròng, doanh thu, lợi nhuận... Trong trường hợp này, bên mời thầu phải nêu rõ yêu cầu để làm cơ sở đánh giá.

CHƯƠNG IV. KẾ HOẠCH ĐÀM PHÁN

Mục 1. Lập kế hoạch đàm phán dự kiến

Kế hoạch đàm phán dự kiến được bên mời thầu lập gồm nội dung, thời gian, địa điểm đàm phán với các nhà đầu tư trong danh sách ngắn trên cơ sở phù hợp với đặc điểm, quy mô, loại hợp đồng dự án cụ thể; thời gian tổ chức lựa chọn nhà đầu tư tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư; nhân sự, nguồn lực, cơ sở vật chất, thiết bị để tiến hành đàm phán và các nội dung đàm phán của dự án. Trong đó:

- Kế hoạch đàm phán được lập thành hai vòng theo các phiên trao đổi trực tiếp và độc lập với từng nhà đầu tư. Các phiên trao đổi về từng nội dung đàm phán được thực hiện trong cùng một khoảng thời gian. Thời gian kết thúc mỗi phiên đàm phán với mỗi nhà đầu tư có thể khác nhau nhưng không được vượt quá thời gian tối đa của mỗi phiên đàm phán. Trường hợp cần thiết, bên mời thầu tổ chức họp nội bộ để trao đổi để tổng kết các nội dung trao đổi chung, ý kiến phản hồi của các nhà đầu tư, các nội dung liên quan đến đàm phán với các nhà đầu tư trước, sau mỗi phiên, vòng đàm phán.

- Kế hoạch đàm phán được sắp xếp phù hợp để bên mời thầu và nhà đầu tư thực hiện đầy đủ và hiệu quả các công việc có liên quan trong quá trình đàm phán.

- Kế hoạch đàm phán dự kiến cụ thể như sau:

[Thông thường, thời gian tiến hành 02 vòng đàm phán là từ 06 - 08 tuần. Bên mời thầu có thể tham khảo ví dụ kế hoạch đàm phán dự kiến tại bảng sau:

KẾ HOẠCH ĐÀM PHÁN DỰ KIẾN

Thời gian	***Thứ 2***	***Thứ 3***	***Thứ 4***	***Thứ 5***	***Thứ 6***
Vòng 1					
Tuần …	*- Nội dung: Họp khởi động giữa bên mời thầu với các nhà đầu tư* *- Thời gian:_____ [Ghi cụ thể]* *- Địa điểm:_____ [Ghi cụ thể]*				
Tuần …	*- Nội dung:_____ [Ghi cụ thể nội dung đàm phán về mặt kỹ thuật]* *- Thời gian:_____ [Ghi cụ thể]* *- Địa điểm:_____ [Ghi cụ thể địa điểm đàm phán với Nhà đầu tư A, Nhà đầu tư B, Nhà đầu tư C…]*				
Tuần …	*- Nội dung:_____ [Ghi cụ thể nội dung đàm phán về tài chính - thương mại]* *- Thời gian:_____ [Ghi cụ thể]* *- Địa điểm:_____ [Ghi cụ thể địa điểm đàm phán với Nhà đầu tư A, Nhà đầu tư B, Nhà đầu tư C…]*				
Tuần …	*Bên mời thầu sửa đổi yêu cầu về mặt kỹ thuật, tài chính - thương mại của dự án (nếu cần thiết) và thông báo cho các nhà đầu tư. Nhà đầu tư hoàn thiện HSĐXKTTCTM và nộp cho bên mời thầu căn cứ kết quả vòng đàm phán thứ nhất, nội dung sửa đổi yêu cầu về mặt kỹ thuật, tài chính - thương mại của dự án.*				
Vòng 2					
Tuần…	*- Nội dung:_____ [Ghi cụ thể nội dung đàm phán về mặt kỹ thuật]* *- Thời gian:_____ [Ghi cụ thể]* *- Địa điểm:_____ [Ghi cụ thể địa điểm đàm phán với Nhà đầu tư A, Nhà đầu tư B, Nhà đầu tư C…]*				

Tuần…	*- Nội dung:_____ [Ghi cụ thể nội dung đàm phán về tài chính - thương mại]* *- Thời gian:_____ [Ghi cụ thể]* *- Địa điểm:_____ [Ghi cụ thể địa điểm đàm phán với Nhà đầu tư A, Nhà đầu tư B, Nhà đầu tư C…]*
Tuần…	
Tuần…	*Bên mời thầu chuẩn xác yêu cầu chi tiết về kỹ thuật, tài chính - thương mại và gửi cho các nhà đầu tư*
Tuần…	*Bên mời thầu thông báo cho các nhà đầu tư về việc kết thúc đàm phán*

Mục 2. Kế hoạch đàm phán

Bên mời thầu chỉnh sửa kế hoạch đàm phán dự kiến cho phù hợp và phê duyệt tại quyết định phê duyệt danh sách ngắn các nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 46 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

Mục 3. Điều chỉnh kế hoạch đàm phán

Trường hợp cần thiết bên mời thầu có thể điều chỉnh kế hoạch đàm phán nhưng phải bảo đảm không vượt quá tổng thời gian 02 (hai) vòng đàm phán được duyệt và không gây bất lợi cho nhà đầu tư tham dự đàm phán. Bên mời thầu chịu trách nhiệm trước người có thẩm quyền trong trường hợp điều chỉnh kế hoạch đàm phán. Bên mời thầu thông báo bằng văn bản cho các nhà đầu tư tham dự đàm phán bằng một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

CHƯƠNG V. TỔ CHỨC ĐÀM PHÁN

Mục 1. Các yêu cầu chung

1.1. Các nội dung không được đàm phán

Bên mời thầu không tiến hành đàm phán với nhà đầu tư các nội dung sau đây:

a) Mục tiêu, địa điểm, quy mô, thời gian thực hiện dự án, nhu cầu sử dụng đất và tài nguyên khác của dự án theo quyết định chủ trương đầu tư;

b) Tổng mức đầu tư;

c) Khung giá, phí sản phẩm, dịch vụ công đối với dự án áp dụng cơ chế thu phí trực tiếp từ người sử dụng;

d) Cơ chế bảo đảm đầu tư, cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu;

đ) Loại hợp đồng của dự án.

Trường hợp nhà đầu tư yêu cầu, bên mời thầu làm rõ các nội dung có liên quan nêu trên theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

1.2. Mục tiêu đàm phán

Mục tiêu đàm phán nhằm chuẩn xác các yêu cầu chi tiết về mặt kỹ thuật, tài chính - thương mại, là căn cứ bên mời thầu hoàn thiện hồ sơ mời thầu, nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự thầu.

1.3. Nguyên tắc đàm phán

Việc đàm phán giữa bên mời thầu và nhà đầu tư trong danh sách ngắn phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Bảo đảm công bằng, minh bạch, khách quan; căn cứ theo yêu cầu của HSMĐP, HSDĐP và các tài liệu giải thích, làm rõ của nhà đầu tư. Kỹ thuật, công nghệ mà nhà đầu tư đề xuất tại HSĐXKTTCTM phải phù hợp với tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp kỹ thuật, công nghệ của nhà đầu tư tại HSNLKN;

b) Không được tiết lộ thông tin HSDĐP, nội dung đàm phán của nhà đầu tư với bên mời thầu cho nhà đầu tư khác, trừ các thông tin được công khai khi mở HSNLKN;

c) Nhà đầu tư được điều chỉnh nội dung đề xuất về mặt kỹ thuật, tài chính - thương mại nhằm mục đích duy nhất là đưa ra được giải pháp triển khai thực hiện dự án mang lại hiệu quả cao hơn nhưng không được thay thế kỹ thuật, công nghệ mà nhà đầu tư dự kiến đề xuất thực hiện dự án tại HSDĐP;

d) Không dẫn đến thay đổi các nội dung của quyết định chủ trương đầu tư quy định tại Điều 17 của Luật PPP, trừ trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 18 của Luật PPP;

đ) Không ràng buộc bất cứ trách nhiệm nào của cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu đối với các nội dung nhà đầu tư đã chào khi tham gia đàm phán; không loại bỏ nhà đầu tư trong quá trình đàm phán.

1.4. Biên bản đàm phán

a) Kết quả, nội dung đàm phán sau mỗi vòng, mỗi phiên được lập thành biên bản có chữ ký xác nhận của đại diện của bên mời thầu và nhà đầu tư. Bên mời thầu lưu trữ biên bản của từng vòng, từng phiên đàm phán và tệp dữ liệu (file) ghi âm của từng phiên trao đổi. Biên bản đàm phán được gửi cho nhà đầu tư tham gia đàm phán, không được gửi biên bản đàm phán của nhà đầu tư này cho nhà đầu tư khác.

b) Biên bản đàm phán gồm các nội dung sau đây:

- Thông tin chung: Tên dự án, tên bên mời thầu và người đại diện, tên nhà đầu tư và người đại diện, thời gian và địa điểm đàm phán.

- Nội dung đàm phán, trong đó ghi rõ ý kiến của người đại diện của bên mời thầu và người đại diện của nhà đầu tư.

Đối với vòng đàm phán thứ hai, biên bản đàm phán phải gồm giải pháp kỹ thuật và công nghệ cơ bản mà nhà đầu tư dự kiến đề xuất thực hiện dự án và tài liệu trình bày giải pháp này.

- Các nội dung khác.

1.5. Các yêu cầu khác

a) Bên mời thầu không thay đổi người đại diện tham gia đàm phán trong suốt quá trình đàm phán, trừ trường hợp bất khả kháng. Bên mời thầu quyết định thành phần, trách nhiệm của từng thành viên có năng lực, kinh nghiệm phù hợp của các nhóm đại diện cho bên mời thầu tham gia đàm phán với từng nhà đầu tư trong danh sách ngắn, trong đó phải gồm tối thiểu những thành viên sau: Trưởng nhóm đại diện; các chuyên gia về đấu thầu, kỹ thuật, pháp lý, tài chính - thương mại, quản lý hợp đồng.

b) Các thành viên nhóm đại diện cho bên mời thầu tham gia đàm phán phải ký bản cam kết trong đó gồm các nội dung sau:

- Được đào tạo theo quy định của pháp luật hiện hành, có đầy đủ bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn phù hợp và có năng lực, kinh nghiệm để tham gia đàm phán;

- Đàm phán trên cơ sở trung thực, khách quan, công bằng, không chịu bất kỳ sự ràng buộc về lợi ích đối với các bên;

- Bảo mật các thông tin và hồ sơ, tài liệu trong quá trình tham gia đàm phán theo đúng quy định của pháp luật;

- Không vi phạm các quy định về bảo đảm cạnh tranh.

Mục 2. Tổ chức đàm phán

Người đại diện của bên mời thầu và người đại diện của nhà đầu tư tham gia đàm phán tiến hành mở HSĐXKTTCTM của nhà đầu tư đó theo thời gian và địa điểm đàm phán tại quyết định phê duyệt danh sách ngắn. Đàm phán được thực hiện trên HSĐXKTTCTM được nhà đầu tư nộp. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp.

2.1. Đàm phán vòng thứ nhất

2.1.1. Tổ chức họp khởi động

Trước khi tiến hành đàm phán, bên mời thầu tổ chức họp theo thời gian và địa điểm do bên mời thầu quyết định với đại diện của các nhà đầu tư đã thông báo tham dự đàm phán. Đại diện bên cho vay (nếu có) của các nhà đầu tư được tham gia các cuộc họp này. Nội dung cơ bản gồm:

- Cung cấp thông tin về quy trình, kế hoạch đàm phán;

- Giới thiệu yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật, tài chính - thương mại của dự án;

- Giới thiệu về mô hình tài chính của dự án (nếu có).

2.1.2. Các nội dung đàm phán

Căn cứ theo yêu cầu của HSMĐP, HSĐXKTTCTM của nhà đầu tư tham dự đàm phán và các tài liệu giải thích, làm rõ của nhà đầu tư, bên mời thầu tiến hành trao đổi với từng nhà đầu tư về các nội dung đàm phán, gồm:

[Bên mời thầu ghi cụ thể các nội dung đàm phán gồm:

(1) Về mặt kỹ thuật

a) Về phương án kỹ thuật, công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng

- Các thông số kỹ thuật, công suất; các rủi ro về mặt kỹ thuật; yêu cầu về chất lượng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp thông qua chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án về mặt kỹ thuật;

- Tính khả thi, hiệu quả đầu tư của phương án kỹ thuật, công nghệ mà nhà đầu tư dự kiến đề xuất thực hiện dự án, xét trên các yếu tố gồm tuổi thọ và khả năng cải tiến công nghệ nhằm đáp ứng nhu cầu dự án, khả năng đáp ứng tiêu chuẩn trong dài hạn;

- Xác nhận về quyền sử dụng hợp pháp về kỹ thuật, công nghệ; cơ chế quản lý, sử dụng kỹ thuật, công nghệ; phân chia lợi ích với các bên liên quan (nếu có) và các vấn đề liên quan đến quyền sử dụng hợp pháp của kỹ thuật, công nghệ;

- Sự tham gia của đối tác (nếu có), phần công việc đảm nhận của đối tác thực hiện, yêu cầu năng lực, kinh nghiệm của đối tác. Sự tham gia của đối tác có thể được cập nhật ở giai đoạn sau nhưng đảm bảo không làm thay đổi năng lực của nhà đầu tư;

- Xác nhận việc tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, đánh giá tác động môi trường của giải pháp kỹ thuật, công nghệ;

- Việc đào tạo và chuyển giao khi kết thúc dự án (hạ tầng, tài chính, sở hữu trí tuệ, nhân lực) khi kết thúc dự án;

- Nội dung khác (nếu có).

b) Về mặt thiết kế

- Vị trí xây dựng, hướng tuyến công trình, danh mục và quy mô, loại, cấp công trình thuộc tổng mặt bằng xây dựng;

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng để lập thiết kế;

- Phương án công nghệ, kỹ thuật và thiết bị được lựa chọn phù hợp với mục đích sử dụng của công trình;

- Giải pháp về kiến trúc, mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng công trình, các kích thước, kết cấu chính của công trình xây dựng; điểm hạn chế của thiết kế về chiều cao, mỹ quan, tiếng ồn, lưu lượng...(nếu có), điểm hạn chế trong việc vận hành (nếu có); giải pháp kết nối đồng bộ các hạng mục của công trình dự án;

- Phương án kết nối hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài công trình, giải pháp phòng, chống cháy, nổ;

- Giải pháp về xây dựng, vật liệu chủ yếu được sử dụng; các yêu cầu về môi trường, tiêu thụ năng lượng, quản lý rác thải, sức khỏe và an toàn,...

- Các vấn đề liên quan đến trách nhiệm của các bên trong việc thực hiện các thủ tục cấp phép theo quy định của pháp luật (xây dựng, giao đất/cho thuê đất, sử dụng hạ tầng, kết nối, nguyên nhiên liệu đầu vào,...);

- Nội dung khác (nếu có).

(2) Về mặt tài chính, thương mại

- Dự báo nhu cầu sử dụng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng của dự án, sản phẩm, dịch vụ công được cung cấp; dự báo tốc độ tăng trưởng nhu cầu trong tương lai và khả năng chi trả của cộng đồng người sử dụng, tổ chức bao tiêu đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BOT, BTO, BOO, O&M;

- Mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công và các khoản thu khác của dự án (xem xét cơ sở pháp lý để xác định giá, phí; dự kiến lộ trình tăng giá, phí);

- Các thông số đầu vào khác (phương án huy động vốn, lãi vay, thời gian vay, tỷ lệ lạm phát, tỷ giá, tỷ lệ khấu hao, chi phí vận hành…);

- Về cam kết của bên cho vay; điều kiện hợp đồng cấp tín dụng, khả năng biến động của lãi suất (nếu có sự tham gia của bên cho vay);

- Giá trị vốn nhà nước tham gia trong dự án dự kiến (nếu có), việc quản lý và sử dụng vốn nhà nước trong dự án.

- Về lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước (giá trị phần nộp ngân sách nhà nước hoặc thời gian thực hiện hợp đồng);

- Về phương án thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận của nhà đầu tư đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BOT, BTO, BOO và O&M, thời gian, cơ chế thanh toán;

- Nội dung khác (nếu có).

(3) Về một số nội dung của hợp đồng

- Thời hạn hợp đồng và tiến độ thực hiện dự án, gồm các mốc thời gian sau: chuẩn bị, khởi công; xây dựng; vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng;

- Cơ chế phân bổ, quản lý rủi ro (gồm các biện pháp giảm thiểu rủi ro), trách nhiệm giữa cơ quan có thẩm quyền và đối tác tư nhân (nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án, bên cho vay..,) trong quá trình thực hiện dự án;

- Vai trò, trách nhiệm trong suốt vòng đời dự án của các bên có liên quan, gồm: Cơ quan có thẩm quyền, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án và các tổ chức khác có liên quan (bên cho vay, đơn vị cung ứng đầu vào, đơn vị bao tiêu sản phẩm, nhà thầu...);

- Cơ chế thanh toán; phạt, bồi thường hợp đồng;

- Các trường hợp bất khả kháng, thay đổi chính sách, giải quyết tranh chấp, quyền tiếp nhận dự án của cơ quan có thẩm quyền;

- Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và biện pháp xử lý;

- Nội dung khác (nếu có).

(4) Về quản lý thực hiện dự án

- Hình thức, cơ cấu tổ chức quản lý thực hiện dự án của cơ quan có thẩm quyền, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án đối với từng giai đoạn cụ thể

- Các chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án trên các khía cạnh: Kỹ thuật, vận hành, môi trường, xã hội, tài chính, tiến độ...

- Nội dung, phương thức giám sát chất lượng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công để bảo đảm cung cấp sản phẩm, dịch vụ ổn định, liên tục, đạt chất lượng đáp ứng nhu cầu của người sử dụng;

- Các nội dung khác (nếu có)....]

2.1.3. Sửa đổi yêu cầu về mặt kỹ thuật, tài chính - thương mại, hoàn thiện HSĐXKTTCTM

Kết thúc vòng đàm phán thứ nhất, bên mời thầu sửa đổi yêu cầu về mặt kỹ thuật, tài chính - thương mại của dự án (nếu cần thiết) và thông báo cho các nhà

đầu tư trong danh sách ngắn để hoàn thiện HSĐXKTTCTM theo một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

Căn cứ kết quả vòng đàm phán thứ nhất, nội dung sửa đổi yêu cầu về mặt kỹ thuật, tài chính - thương mại của dự án, nhà đầu tư hoàn thiện HSĐXKTTCTM để nộp cho bên mời thầu.

2.2. Đàm phán vòng thứ hai, kết thúc đàm phán

2.2.1. Nội dung đàm phán

Bên mời thầu tiếp nhận, mở HSĐXKTTCTM của nhà đầu tư và tiến hành vòng đàm phán thứ hai với từng nhà đầu tư để chuẩn xác yêu cầu chi tiết về mặt kỹ thuật, tài chính - thương mại của dự án. Bên mời thầu sẽ tiến hành đàm phán các nội dung chưa được làm rõ trong vòng đàm phán thứ nhất theo yêu cầu sửa đổi về kỹ thuật, tài chính - thương mại tại Mục 2.1.3 Chương này.

2.2.2. Chuẩn bị yêu cầu chi tiết về mặt kỹ thuật, tài chính - thương mại của dự án và kết thúc đàm phán

Kết thúc vòng đàm phán thứ hai, bên mời thầu chuẩn xác yêu cầu chi tiết về mặt kỹ thuật, tài chính - thương mại của dự án, là căn cứ bên mời thầu hoàn thiện hồ sơ mời thầu, nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự thầu. Bên mời thầu thông báo cho các nhà đầu tư tham gia đàm phán về việc kết thúc đàm phán.

CHƯƠNG VI. BIỂU MẪU DỰ THẦU

A. Biểu mẫu dự thầu thuộc HSNLKN

1. Mẫu số 01: Đơn dự đàm phán

2. Mẫu số 02: Giấy ủy quyền

3. Mẫu số 03: Thỏa thuận liên danh

4. Mẫu số 04: Thông tin về nhà đầu tư

5. Mẫu số 05: Lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện

6. Mẫu số 06: Năng lực tài chính của nhà đầu tư

7. Mẫu số 07: Cam kết nguồn cung cấp tài chính, tín dụng cho nhà đầu tư

8. Mẫu số 08: Kinh nghiệm thực hiện dự án của nhà đầu tư

9. Mẫu số 09: Phương pháp triển khai thực hiện dự án sơ bộ và cam kết thực hiện dự án.

B. Biểu mẫu dự thầu thuộc HSĐXKTTCTM

10. Mẫu số 10: Đề xuất phương án sơ bộ về kỹ thuật

11. Mẫu số 11: Đề xuất phương án sơ bộ về tài chính - thương mại.

Mẫu số 01

ĐƠN DỰ ĐÀM PHÁN [(1)]

(Địa điểm), ngày___ tháng___ năm___

Kính gửi: ____ *[ghi tên bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời đàm phán của dự án___ *[ghi tên dự án]* do___ *[ghi tên bên mời thầu]* (sau đây gọi tắt là Bên mời thầu) phát hành ngày___ *[ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ mời đàm phán cho nhà đầu tư]* và văn bản sửa đổi hồ sơ mời đàm phán số___ ngày___ *[ghi số, ngày của văn bản sửa đổi (nếu có)]*, chúng tôi,___ *[ghi tên nhà đầu tư]* nộp hồ sơ dự đàm phán (gồm hồ sơ về năng lực, kinh nghiệm và hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, tài chính - thương mại) đối với dự án nêu trên. Hồ sơ dự đàm phán này được nộp không có điều kiện và ràng buộc kèm theo.

Chúng tôi sẵn sàng cung cấp cho Bên mời thầu bất kỳ thông tin bổ sung, làm rõ cần thiết nào khác khi Bên mời thầu có yêu cầu.

Chúng tôi cam kết[(2)]:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ dự đàm phán này với tư cách là nhà đầu tư độc lập, thành viên liên danh.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong lựa chọn nhà đầu tư.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm khác của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP, pháp luật về đấu thầu khi tham dự dự án này.

5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự đàm phán là chính xác, trung thực.

6. Chúng tôi đồng ý và cam kết chịu mọi trách nhiệm liên quan đối với tất cả nghĩa vụ của nhà đầu tư trong quá trình dự đàm phán.

Hồ sơ dự đàm phán này có hiệu lực trong thời gian___ngày[(3)] *[ghi số ngày]*, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư [(4)]

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)[(5)]]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư lưu ý ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời thầu, nhà đầu tư, thời gian có hiệu lực của HSDĐP.

(2) Trường hợp phát hiện nhà đầu tư vi phạm các cam kết này thì nhà đầu tư bị coi là có hành vi gian lận theo quy định tại khoản 11 Điều 10 Luật PPP và HSDĐP bị loại; đồng thời, nhà đầu tư sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định.

(3) Thời gian có hiệu lực của HSDĐP được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMĐP. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 01 ngày.

(4) Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn dự đàm phán phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự đàm phán phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh được xác định theo quy định tại Mục 11 CDNĐT.

(5) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong đơn dự đàm phán và các tài liệu khác trong HSDĐP là của người đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.

Mẫu số 02

GIẤY ỦY QUYỀN

Hôm nay, ngày___ tháng___ năm___, tại___

Tôi là___ *[ghi tên, số CCCD/CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư],* là người đại diện theo pháp luật của___ *[ghi tên nhà đầu tư]* có địa chỉ tại___ *[ghi địa chỉ của nhà đầu tư]*, bằng văn bản này ủy quyền cho:____ *[ghi tên, số CCCD/CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia lựa chọn nhà đầu tư dự án____ *[ghi tên dự án]* do____ *[ghi tên bên mời thầu]* tổ chức:

[Phạm vi ủy quyền gồm một hoặc một số công việc sau:

- Ký đơn dự đàm phán;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia lựa chọn nhà đầu tư, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời đàm phán và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự đàm phán;

- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia lựa chọn nhà đầu tư, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu, văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu;

- Ký các văn bản kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư (nếu có);

- Các công việc khác (ghi rõ nội dung các công việc, nếu có)].

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi được ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của___ *[ghi tên nhà đầu tư]*. _____ *[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do_____ *[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày____ đến ngày____[(1)]. Giấy ủy quyền này được lập thành____ bản có giá trị pháp lý như nhau. Người ủy quyền giữ____ bản.

Người được ủy quyền giữ____ bản. Đính kèm theo bản gốc của Hồ sơ dự đàm phán một (01) bản gốc./.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)(2)]	*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)(3)]*

Ghi chú:

(1) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia lựa chọn nhà đầu tư.

(2), (3) Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà đầu tư hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền.

Mẫu số 03

THỎA THUẬN LIÊN DANH

(Địa điểm), ngày___ tháng___ năm___

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh:____ *[Ghi tên từng thành viên liên danh]*

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

Giấy ủy quyền số___ ngày___ tháng___ năm___ *(trường hợp được ủy quyền)*.

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia lựa chọn nhà đầu tư dự án___ *[ghi tên dự án]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến dự án là:___ *[ghi tên của liên danh theo thỏa thuận]*.

Địa chỉ giao dịch của Liên danh:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Người đại diện của Liên danh:

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia lựa chọn nhà đầu tư dự án này.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện các công việc trong quá trình tham gia lựa chọn nhà đầu tư cho dự án như sau:

1. Các bên nhất trí thỏa thuận cho____ *[ghi tên một thành viên]* là thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh để thực hiện các công việc sau:

[Thành viên đứng đầu liên danh có thể đại diện cho liên danh để thực hiện một hoặc một số công việc sau:

- Ký đơn dự đàm phán;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia lựa chọn nhà đầu tư, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời đàm phán và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự đàm phán;

- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia lựa chọn nhà đầu tư, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu, văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu;

- Ký các văn bản kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư (nếu có);

- Các công việc khác, trừ việc ký kết hợp đồng (ghi rõ nội dung các công việc, nếu có)].

2. Vai trò, trách nhiệm của các thành viên liên danh[(1)] *[ghi cụ thể vai trò, trách nhiệm của từng thành viên liên danh và ghi tỷ lệ phần trăm góp vốn chủ sở hữu trong liên danh]:*

TT	Tên thành viên	Vai trò tham gia *[Ghi phần công việc mà thành viên đảm nhận (thu xếp tài chính, xây dựng, quản lý, vận hành,...]*	Vốn chủ sở hữu	
			Giá trị	Tỷ lệ %
1	Thành viên 1 *[Đứng đầu liên danh]*			*[tối thiểu 30%]*

TT	Tên thành viên	Vai trò tham gia *[Ghi phần công việc mà thành viên đảm nhận (thu xếp tài chính, xây dựng, quản lý, vận hành,...]*	Vốn chủ sở hữu	
			Giá trị	**Tỷ lệ %**
2	Thành viên 2			*[tối thiểu 15%]*
3	Thành viên 3			*[tối thiểu 15%]*
.....				
		Tổng	....	**100%**

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên thỏa thuận cùng chấm dứt;

- Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được bên mời thầu chấp thuận thì các bên phải thành lập thỏa thuận liên danh mới;

- Liên danh không được lựa chọn vào danh sách ngắn;

- Liên danh không trúng thầu;

- Hủy việc lựa chọn danh sách ngắn dự án theo thông báo của bên mời thầu;

- Hủy việc lựa chọn nhà đầu tư theo thông báo của bên mời thầu;

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng dự án.

Thỏa thuận liên danh này được lập thành___ bản gốc, mỗi thành viên liên danh giữ___ bản, nộp kèm theo hồ sơ dự đàm phán 01 bản gốc. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh[(2)]

[ghi tên đại diện hợp pháp của từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)[(3)]]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư phải kê khai vai trò tham gia và tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu của từng thành viên liên danh.

(2) Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh được xác định theo quy định tại Mục 11 CDNĐT.

(3) Trường hợp thành viên liên danh là nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong thỏa thuận liên danh là của người đại diện hợp pháp của thành viên liên danh.

Mẫu số 04

THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ

(Địa điểm), ngày___ tháng___ năm___

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:

2. Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư:

3. Năm thành lập:

4. Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư tại quốc gia đăng ký:

5. Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư:

- Tên:

- Địa chỉ:

- Số điện thoại/fax:

- Địa chỉ e-mail:

6. Sơ đồ tổ chức của nhà đầu tư.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư cần nộp kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

Mẫu số 05

LỊCH SỬ TRANH CHẤP, KHIẾU KIỆN ĐỐI VỚI CÁC HỢP ĐỒNG ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN(1)

Tên nhà đầu tư:_____

Ngày:_____

Tên thành viên của nhà đầu tư liên danh (nếu có):_____

Các vụ tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện			
Chọn một trong các thông tin mô tả dưới đây: ❑ Không có tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện. ❑ Dưới đây là mô tả về các vụ tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện mà nhà đầu tư là một bên đương sự (hoặc mỗi thành viên của liên danh nếu là nhà đầu tư liên danh).			
Năm	**Vấn đề tranh chấp, khiếu kiện**	**Giá trị tranh chấp, khiếu kiện(2)**	**Tỷ lệ tương ứng với vốn chủ sở hữu**

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư bảo đảm việc kê khai nội dung này là đầy đủ và trung thực, nếu bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà đầu tư nào đang có các vụ kiện tụng mà không kê khai thì được coi là hành vi gian lận theo khoản 11 Điều 10 Luật PPP và HSDĐP sẽ bị loại. Trường hợp sau khi có kết quả giải quyết tranh chấp dẫn đến vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án thì nhà đầu tư phải bổ sung vốn chủ sở hữu tại bước tiếp theo kèm theo các tài liệu theo quy định để chứng minh đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án; trường hợp không bổ sung vốn chủ sở hữu, nhà đầu tư được đánh giá là không đáp ứng về yêu cầu năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên của nhà đầu tư liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Đồng tiền là đồng tiền quy định tại Mục 12.2 **BDL**.

Mẫu số 06

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ[(1)]

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:

2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên liên danh[(2)]:

a) Tóm tắt các số liệu về tài chính [(3)]:

I	**Vốn chủ sở hữu cam kết sử dụng cho dự án**	
II	**Các số liệu về vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư**	
1	Tổng vốn chủ sở hữu	
2	Chi phí liên quan đến kiện tụng (nếu có)	
3	Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện[(4)] (không gồm vốn đã được giải ngân cho các dự án đang thực hiện) và các khoản đầu tư dài hạn khác (nếu có))	
4	Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định	

b) Tài liệu đính kèm[(5)]

Đính kèm là tài liệu chứng minh về số liệu tài chính của nhà đầu tư:

- Báo cáo tài chính của nhà đầu tư năm gần nhất đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (nếu có).

Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm

toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm đóng thầu hoặc Báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm gần nhất trước thời điểm đóng thầu theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán.

Trường hợp đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ góp vốn chủ sở hữu thì đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ có văn bản cam kết và báo cáo tài chính chứng minh đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo phương án tài chính của dự án PPP.

Các báo cáo do nhà đầu tư cung cấp phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính, kế toán, phản ánh tình hình tài chính riêng của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

- Danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác trong trường hợp tại cùng một thời điểm, nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có).

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các số liệu, tài liệu cung cấp liên quan đến vốn chủ sở hữu, phân bổ vốn chủ sở hữu cho các dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn đang thực hiện, phương án huy động vốn chủ sở hữu theo tiến độ thực hiện dự án PPP kê khai tại HSDĐP. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai là không chính xác, làm sai lệch kết quả đánh giá thì nhà đầu tư sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 11 Điều 10 Luật PPP và bị xử lý theo quy định tại Mục 28 CDNĐT.

(3) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, bên mời thầu bổ sung các thông tin phù hợp.

(4) Trường hợp tại cùng một thời điểm, nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư lập danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

(5) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, bên mời thầu có thể bổ sung các tài liệu nhà đầu tư phải nộp để chứng minh năng lực tài chính (ví dụ như: biên bản kiểm tra quyết toán thuế, tờ khai tự quyết toán thuế; tài liệu chứng minh việc nhà đầu tư đã kê khai quyết toán thuế điện tử; văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế;…).

Mẫu số 07

CAM KẾT NGUỒN CUNG CẤP TÀI CHÍNH, TÍN DỤNG CHO NHÀ ĐẦU TƯ

(Địa điểm)___, ngày___ tháng___ năm___

1. Tôi là___ *[ghi tên]*,___ *[ghi chức vụ]*, là đại diện hợp pháp của___ *[Ghi tên nhà đầu tư/tên liên danh nhà đầu tư]*, xác nhận và cam kết rằng những thông tin được cung cấp trong văn bản này là đúng sự thật và các tài liệu kèm theo là bản sao chính xác với tài liệu gốc.

2. Các nguồn tài chính, tín dụng sau đây đã được cam kết và sẽ được huy động để thực hiện dự án:

Nguồn tài chính	**Giá trị** [(1)]
I. Vốn chủ sở hữu cam kết sử dụng cho dự án:	
1.	
2.	
…	
II. Vốn vay nhà đầu tư phải huy động:	
1.	
2.	
…	
III. Vốn huy động thông qua phát hành trái phiếu của doanh nghiệp dự án	
1.	
2.	
…	

3. Tài liệu kèm theo:

- Đối với vốn chủ sở hữu: Văn bản cam kết bảo đảm đủ vốn chủ sở hữu theo phương án tài chính cho dự án của đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ kèm theo các tài liệu chứng minh về thẩm quyền ký cam kết.

- Đối với vốn vay: Văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng, tổ chức tín dụng hoặc bên cho vay khác theo quy định của pháp luật kèm theo các tài liệu chứng minh thẩm quyền của người ký cam kết.

- Đối với vốn huy động thông qua phát hành trái phiếu: Thỏa thuận bằng văn bản giữa nhà đầu tư mua trái phiếu hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật và nhà đầu tư.

- Tài liệu liên quan khác.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Ghi số tiền bằng số, bằng chữ theo đồng tiền quy định tại Mục 12.2 **BDL**.

Mẫu số 08

KINH NGHIỆM THỰC HIỆN DỰ ÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ [(1)]

(Địa điểm)___, ngày___ tháng___ năm___

[Nhà đầu tư liệt kê kinh nghiệm thực hiện dự án theo yêu cầu của bên mời thầu]

1. Dự án số 01:___ *[ghi tên dự án]*

Tên nhà đầu tư/tên thành viên liên danh:	
1	Số hợp đồng: Ngày ký:
2	Tên dự án/gói thầu:
3	Quốc gia thực hiện dự án:
4	Hình thức đầu tư dự án □ Đầu tư theo hình phương PPP □ Đầu tư không theo phương thức PPP
5	Lĩnh vực đầu tư của dự án
6	Tham gia dự án với vai trò: □ Nhà đầu tư độc lập □ Thành viên liên danh nhà đầu tư □ Nhà thầu quản lý dự án □ Nhà thầu Xây dựng □ Nhà thầu vận hành
7	Tên cơ quan có thẩm quyền/đại diện cơ quan có thẩm quyền (đối với dự án); chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu) Địa chỉ: Tên người liên lạc: Điện thoại: Fax: Email:
8	Thông tin chi tiết
8.1	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà đầu tư

	Tiến độ, chất lượng thực hiện dự án [(2)]: □ Đang trong giai đoạn xây dựng, đã nghiệm thu hạng mục công trình, □ Đã xác nhận hoàn thành hoặc nghiệm thu công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng □ Đang trong giai đoạn vận hành □ Đã kết thúc
	Tổng mức đầu tư :
	Tỷ lệ góp vốn (trường hợp nhà đầu tư là liên danh):
	Vốn chủ sở hữu đã được huy động:
	Vốn vay đã được huy động
	Mô tả ngắn gọn về điểm tương đồng của dự án đã thực hiện này với dự án đang lựa chọn nhà đầu tư:
	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc đã thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc đã thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương... VNĐ
	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc còn phải thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc còn phải thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương... VNĐ
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật/hoạt động vận hành:
8.2	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà thầu
	Phạm vi công việc nhà đầu tư tham gia thực hiện:
	Giá trị phần công việc nhà đầu tư tham gia thực hiện:
	Tiến độ, chất lượng thực hiện[(3)]:

	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật:

2. Dự án số 02:___ *[ghi tên dự án]*

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Bên mời thầu có thể điều chỉnh, bổ sung yêu cầu kê khai thông tin tại Mẫu này để phù hợp với tiêu chuẩn đánh giá về kinh nghiệm của nhà đầu tư

(2), (3) Nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh các thông tin đã kê khai và tiến độ, chất lượng thực hiện hợp đồng như bản sao công chứng hợp đồng, quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền/đại diện cơ quan có thẩm quyền (đối với dự án), chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu)…

Mẫu số 09

PHƯƠNG PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN SƠ BỘ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN DỰ ÁN

Nhà đầu tư chuẩn bị phương pháp triển khai thực hiện dự án sơ bộ và cam kết thực hiện dự án gồm các phần:

1. Cách tiếp cận và phương pháp luận (gồm nhận xét về đề xuất dự án hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của dự án).

2. Đề xuất sơ bộ cách thức triển khai dự án (gồm khả năng triển khai xây dựng, kinh doanh, khai thác công trình dự án, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công, sáng kiến cải tiến).

3. Đề xuất sơ bộ phương thức kinh doanh, khai thác công trình dự án, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công (gồm sáng kiến cải tiến) căn cứ vào các nội dung sau:

- Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp dự án, với mối quan hệ giữa các thành viên Liên danh (nếu có) và với các bên có liên quan;

- Cam kết của các thành viên Liên danh trong việc thực hiện các nghĩa vụ triển khai dự án (nếu có);

- Phương án tài chính sơ bộ;

- Tiến độ/phân kỳ dự án;

- Phân bổ rủi ro dự kiến phù hợp giữa doanh nghiệp dự án, nhà thầu và các bên liên quan khác (nếu có);

- Kế hoạch huy động nhân sự có kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp;

4. Cam kết thực hiện dự án.

5. Năng lực, kinh nghiệm nhân sự chủ chốt (nếu có).

6. Các nội dung khác theo yêu cầu của bên mời thầu.

Mẫu số 10

ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN SƠ BỘ VỀ KỸ THUẬT

Căn cứ quy mô, tính chất và loại hợp đồng dự án cụ thể, bên mời thầu yêu cầu nhà đầu tư chuẩn bị các nội dung, biểu mẫu đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu thuyết minh đính kèm (nếu có) làm cơ sở tiến hành đàm phán, gồm các nội dung sau đây:

a) Kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án bảo đảm cung cấp công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, sản phẩm hoặc dịch vụ liên tục, ổn định với chất lượng được xác định tại báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

b) Phương án kỹ thuật, giải pháp công nghệ trên cơ sở yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật, chất lượng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp được xác định tại báo cáo nghiên cứu tiền khả thi. Phương án kỹ thuật, giải pháp công nghệ phải nêu rõ các đặc điểm cốt lõi mà không được thay đổi trong quá trình đàm phán đàm phán cạnh tranh;

c) Phương án vận hành, quản lý, kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng;

d) Các yêu cầu về môi trường, an toàn được xem xét trên cơ sở các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường theo quy định của pháp luật về môi trường;

e) Phương án quản lý rủi ro của nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

Mẫu số 11

ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN SƠ BỘ VỀ TÀI CHÍNH - THƯƠNG MẠI

Căn cứ quy mô, tính chất và loại hợp đồng dự án cụ thể, bên mời thầu yêu cầu nhà đầu tư chuẩn bị các nội dung, biểu mẫu đề xuất về tài chính - thương mại và các tài liệu thuyết minh đính kèm (nếu có) làm cơ sở để đàm phán, gồm các nội dung sau đây:

PHẦN I. ĐỀ XUẤT SƠ BỘ

Nhà đầu tư đề xuất sơ bộ về tài chính - thương mại theo một trong các giá trị về mức tối đa của giá, phí sản phẩm, dịch vụ công; vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng; mức tối thiểu về lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước nhưng không được vượt quá giá trị đã được phê duyệt tại quyết định chủ trương đầu tư của dự án.

PHẦN II. TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

Nhà đầu tư cần nộp mô hình tài chính bằng cả bản in và bản điện tử (định dạng file excel hoặc theo yêu cầu của bên mời thầu) theo các yêu cầu sau đây:

A. Cấu trúc của mô hình tài chính

- Cấu trúc mô hình rõ ràng và trình bày chuyên nghiệp;

- Được lập trên ứng dụng Microsoft Excel (được cập nhật) hoặc ứng dụng khác;

- Trình bày số tiền hàng triệu với 2 chữ số thập phân;

- Không có bất cứ trang nào hoặc ô nào bị ẩn hoặc bảo vệ bằng mã số;

- Tính toán cần phải được chia tách hợp lý để có thể dễ dàng theo dõi trên màn hình hoặc trên trang giấy;

- Các ô có chứa số cố định cần được bôi màu vàng;

- Mô hình tài chính cần được chia thời kỳ theo năm;

B. Tài liệu giả định

Nhà đầu tư cần cung cấp mô tả chi tiết các giả định được sử dụng trong mô hình tài chính. Các giả định phải gồm các phần:

- Kế hoạch chi phí xây dựng và chi phí vận hành;

- Bản tóm tắt kế hoạch huy động vốn, gồm tất các các phí và chi phí tài chính;

- Giả định dự báo nhu cầu và doanh thu của dự án;

- Giả định về kinh tế vĩ mô;

- Giả định về thuế;

- Chính sách kế toán và tỷ lệ khấu hao;

- Các giả định cần thiết khác để xây dựng mô hình tài chính.

Các giả định nêu trong tài liệu giả định phải phù hợp với mô hình tài chính.

C. Hướng dẫn sử dụng mô hình tài chính

Nhà đầu tư cần nộp tài liệu hướng dẫn, giải thích các chức năng của mô hình tài chính và cấu trúc của mô hình.

PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HỢP ĐỒNG DỰ ÁN

I. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN

Bên mời thầu căn cứ nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã được phê duyệt của dự án để xác định yêu cầu thực hiện dự án (trường hợp cần thiết, phát hành kèm theo HSMĐP các tài liệu này). Yêu cầu thực hiện dự án gồm:

- Mục tiêu của dự án:

- Quy mô, công suất của dự án:

- Địa điểm thực hiện dự án:

- Nhu cầu sử dụng đất, mặt đất và tài nguyên khác (nếu có):

- Phương án bồi thường tái định cư:

- Tên dự án;

- Tên cơ quan ký kết hợp đồng với nhà đầu tư;

- Tên đơn vị chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư đề xuất dự án;

- Địa điểm, quy mô, công suất dự án, diện tích sử dụng đất;

- Yêu cầu tối thiểu về tính đáp ứng đối với giải pháp kỹ thuật, công nghệ, chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; vận hành, quản lý, kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng; bảo vệ môi trường.

- Dự kiến tổng mức đầu tư;

- Loại hợp đồng dự án;

- Yêu cầu sơ bộ về tài chính - thương mại gồm các nội dung sau: yêu cầu nhà đầu tư đề xuất theo một trong các giá trị về mức tối đa của giá, phí sản phẩm, dịch vụ công; vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng; mức tối thiểu về lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước.

- Thời gian thực hiện dự án;

- Ưu đãi và bảo đảm đầu tư;

- Các nội dung liên quan khác.

II. DỰ KIẾN TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

Bên mời thầu căn cứ nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã được phê duyệt của dự án để xây dựng tiêu chuẩn dự kiến sử dụng để đánh giá hồ sơ dự thầu trong giai đoạn tiếp theo. Trong đó:

1. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật và tỷ trọng điểm tương ứng, gồm yêu cầu về:

- Kỹ thuật, công nghệ, chất lượng công trình dự án, hệ thống cơ sở hạ tầng;

- Chất lượng sản phẩm, dịch vụ công;

- Phương án tổ chức vận hành, kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng;

- Phương án bảo vệ môi trường; yêu cầu khác phù hợp với tính chất, lĩnh vực, đặc điểm dự án cụ thể (nếu có).

2. Nội dung đánh giá về tài chính - thương mại, gồm:

- Tính khả thi về tài chính - thương mại, bao gồm cả chi phí cho hoạt động thiết kế và xây dựng, chi phí vận hành, quản lý, kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng;

- Tính hợp lý của các thỏa thuận tài chính được đề xuất;

- Mức độ chấp thuận các điều khoản hợp đồng được đề xuất liên quan đến việc phân bổ rủi ro hoặc các khoản bồi thường;

- Các nội dung đánh giá khác về mặt tài chính - thương mại khác (nếu cần thiết).

Trường hợp bên mời thầu xác định được tiêu chuẩn đánh giá về tài chính - thương mại dự kiến sử dụng để đánh giá hồ sơ dự thầu thì nêu rõ tại Mục này.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HỢP ĐỒNG DỰ ÁN

Trên cơ sở các nội dung cơ bản của hợp đồng dự án tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP và hướng dẫn của các Bộ, ngành trong từng ngành, lĩnh vực, căn cứ tính chất, quy mô của từng loại dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu xây dựng dự thảo hợp đồng và đính kèm trong HSMĐP.

Phụ lục III

MẪU HỒ SƠ MỜI THẦU

ĐỐI VỚI DỰ ÁN PPP ÁP DỤNG SƠ TUYỂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

HỒ SƠ MỜI THẦU

Tên dự án: _____

[ghi tên dự án theo quyết định phê duyệt dự án]

Phát hành ngày: _____

[ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ mời thầu cho nhà đầu tư]

Ban hành kèm theo Quyết định: _____

[ghi số và ngày phát hành quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu]

Tư vấn lập hồ sơ mời thầu (nếu có)	**Bên mời thầu**
[ghi tên, ký tên, đóng dấu (nếu có)]	*[ghi tên, ký tên, đóng dấu]*

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

PHẦN 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư

Chương II. Bảng dữ liệu

Chương III. Đánh giá hồ sơ dự thầu

Chương IV. Biểu mẫu dự thầu

PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN

PHẦN 3. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

MÔ TẢ TÓM TẮT

PHẦN 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự thầu. Thông tin gồm quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ dự thầu, mở thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng.

Chương II. Bảng dữ liệu

Chương này quy định cụ thể nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng loại dự án cụ thể.

Chương III. Đánh giá hồ sơ dự thầu

Chương này gồm quy định phương pháp, tiêu chuẩn để đánh giá hồ sơ dự thầu.

Chương IV. Biểu mẫu dự thầu

Chương này gồm các biểu mẫu mà nhà đầu tư sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của hồ sơ dự thầu.

PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN

Bên mời thầu căn cứ nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; báo cáo nghiên cứu khả thi; thiết kế, dự toán[(1)] (trường hợp áp dụng) đã được phê duyệt của dự án để xác định yêu cầu thực hiện dự án. Trường hợp cần thiết, phát hành kèm theo hồ sơ mời thầu các tài liệu này.

PHẦN 3. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này gồm các nội dung của dự thảo hợp đồng và biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.

[(1)] Theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

BDL	Bảng dữ liệu
CDNĐT	Chỉ dẫn nhà đầu tư
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSĐXKT	Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật
HSĐXTCTM	Hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại
HSMST	Hồ sơ mời sơ tuyển
HSDST	Hồ sơ dự sơ tuyển
HSMT	Hồ sơ mời thầu
Luật PPP	Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14
Nghị định số 35/2021/NĐ-CP	Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư
Vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng	Vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng

PHẦN 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nội dung lựa chọn nhà đầu tư	1.1. Bên mời thầu với tên và địa chỉ quy định tại **BDL** phát hành bộ HSMT cho các nhà đầu tư trong danh sách ngắn đã được phê duyệt để lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án được mô tả tại Báo cáo nghiên cứu khả thi. 1.2. Yêu cầu về giá, phí sản phẩm, dịch vụ công được quy định tại **BDL**. 1.3. Yêu cầu về vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng được quy định tại **BDL**. Vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng được sử dụng để hỗ trợ thực hiện dự án trong giai đoạn xây dựng, nhằm gia tăng tính hiệu quả về tài chính cho dự án. 1.4. Yêu cầu về đề xuất nộp ngân sách nhà nước, thời gian thực hiện hợp đồng được quy định tại **BDL**. 1.5. Các thông tin cơ bản về dự án được quy định tại **BDL**.
2. Hành vi bị nghiêm cấm trong đầu tư theo phương thức PPP	Hành vi bị nghiêm cấm trong đầu tư theo phương thức PPP bao gồm các hành vi theo quy định tại Điều 10 Luật PPP.
3. Thay đổi tư cách, tên tham dự thầu	3.1. Trường hợp nhà đầu tư cần thay đổi tư cách, tên tham dự thầu so với tư cách, tên trong danh sách ngắn thì phải thông báo bằng văn bản tới bên mời thầu theo số ngày quy định tại **BDL**. Bên mời thầu báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định sự thay đổi tư cách, tên của nhà đầu tư, cụ thể như sau:

	a) Cho phép bổ sung thành viên liên danh với nhà đầu tư ngoài danh sách ngắn. Trong trường hợp này, nhà đầu tư phải kê khai cập nhật năng lực, kinh nghiệm của thành viên liên danh mới, đính kèm tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; b) Cho phép rút thành viên của liên danh. Trong trường hợp này, bên mời thầu phải đánh giá năng lực của nhà đầu tư, bảo đảm các thành viên còn lại hoặc thành viên thay thế (nếu có) đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm; c) Cho phép thay đổi tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu trong liên danh. Trong trường hợp này, bên mời thầu phải đánh giá, cập nhật thông tin năng lực của nhà đầu tư, bảo đảm nhà đầu tư đủ năng lực, tỷ lệ vốn chủ sở hữu tối thiểu của từng thành viên theo yêu cầu của HSMST. 3.2. Trường hợp nhà đầu tư thay đổi tư cách, tên tham dự thầu so với tư cách, tên trong danh sách ngắn thì phải bảo đảm tuân thủ quy định về tư cách hợp lệ của nhà đầu tư theo quy định tại mục 3.1 CDNĐT. 3.3. Trường hợp nhà đầu tư không thay đổi tư cách, tên tham dự thầu so với tư cách, tên trong danh sách ngắn thì bên mời thầu không đánh giá lại tư cách hợp lệ của nhà đầu tư. 3.4. Trường hợp nhà đầu tư có tên trong danh sách ngắn đề nghị liên danh với nhau để tham dự thầu, bên mời thầu báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, minh bạch, hiệu quả.

4. Nội dung HSMT	4.1. HSMT gồm có Phần 1, Phần 2, Phần 3 và các tài liệu sửa đổi, bổ sung HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNĐT (nếu có), trong đó gồm các nội dung sau đây: **Phần 1. Thủ tục lựa chọn nhà đầu tư** - Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư - Chương II. Bảng dữ liệu - Chương III. Đánh giá HSDT - Chương IV. Biểu mẫu dự thầu **Phần 2. Yêu cầu thực hiện dự án** **Phần 3. Dự thảo hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng** 4.2. Thư mời thầu do bên mời thầu phát hành chỉ có tính chất thông báo, không phải là một phần của HSMT. 4.3. Bên mời thầu không chịu trách nhiệm về tính không chính xác, không hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) hay các tài liệu sửa đổi HSMT không do bên mời thầu cung cấp. 4.4. Nhà đầu tư phải nghiên cứu tất cả thông tin chỉ dẫn nhà đầu tư, BDL, biểu mẫu dự thầu, yêu cầu thực hiện dự án và các yêu cầu khác trong HSMT để chuẩn bị HSDT.
5. Làm rõ HSMT, hội nghị tiền đấu thầu	5.1. Trong trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà đầu tư phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời thầu tối thiểu 07 ngày làm việc (đối với lựa chọn nhà đầu tư trong nước), 15 ngày (đối với lựa chọn nhà đầu tư quốc tế) trước ngày có thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu làm rõ HSMT khi nhận được văn bản đề nghị làm rõ trong thời hạn nêu trên. Nội dung làm

	rõ HSMT sẽ được bên mời thầu gửi văn bản làm rõ cho các nhà đầu tư trong danh sách ngắn, trong đó có mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà đầu tư đề nghị làm rõ. Nội dung làm rõ HSMT không được trái với nội dung của HSMT đã duyệt. Trường hợp sau khi làm rõ HSMT dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì việc sửa đổi HSMT thực hiện theo quy định tại Mục 7 CDNĐT. 5.2. Trong trường hợp cần thiết, bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu theo quy định tại **BDL**. Mục đích của hội nghị là giải thích, làm rõ các vấn đề và trả lời các câu hỏi mà nhà đầu tư thấy chưa rõ liên quan đến nội dung HSMT. Để tạo điều kiện thuận lợi cho bên mời thầu trả lời yêu cầu làm rõ HSMT, nhà đầu tư nên gửi yêu cầu làm rõ đến bên mời thầu trước ngày tổ chức hội nghị tiền đấu thầu. Nội dung trao đổi tại hội nghị tiền đấu thầu sẽ được bên mời thầu ghi lại thành biên bản, trong đó nêu rõ câu hỏi của nhà đầu tư và câu trả lời của bên mời thầu nhưng không nêu tên nhà đầu tư có câu hỏi. Các nội dung làm rõ được lập thành văn bản làm rõ HSMT và gửi cho các nhà đầu tư có tên trong danh sách ngắn. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMT. Việc không tham gia hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại nhà đầu tư. Trường hợp HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, bên mời thầu sẽ thực hiện các thủ tục theo quy định tại Mục 7 CDNĐT.

6. Khảo sát hiện trường	6.1. Nhà đầu tư được tiếp cận, khảo sát hiện trường dự án với điều kiện nhà đầu tư cam kết rằng bên mời thầu không phải chịu bất kì trách nhiệm nào đối với nhà đầu tư trong việc khảo sát hiện trường này. Nhà đầu tư sẽ tự chịu trách nhiệm cho những rủi ro của mình như tai nạn, mất mát hoặc thiệt hại tài sản và bất kỳ chi phí nào khác phát sinh từ việc khảo sát hiện trường. Trong trường hợp cần thiết, bên mời thầu sẽ tổ chức, hướng dẫn nhà đầu tư đi khảo sát hiện trường theo quy định tại **BDL**. 6.2. Nhà đầu tư cần thông báo trước cho bên mời thầu về việc đề xuất tổ chức khảo sát hiện trường dự án.
7. Sửa đổi HSMT	7.1. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trước thời điểm đóng thầu thông qua quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi HSMT. Quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi được coi là một phần của HSMT. 7.2. Quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi HSMT được bên mời thầu gửi (trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc email) tới các nhà đầu tư đã nhận HSMT. 7.3. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSMT thực hiện theo quy định tại **BDL**. Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi hồ sơ không đáp ứng quy định nêu trên, bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng. Việc gia hạn được thực hiện theo quy định tại Mục 21.2 CDNĐT. Nhà đầu tư phải thông báo bằng văn bản cho bên mời thầu về việc đã nhận được các tài liệu sửa đổi HSMT theo một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

8. Chi phí dự thầu	Nhà đầu tư phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDT. Trong mọi trường hợp, bên mời thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà đầu tư.
9. Ngôn ngữ của HSDT	HSDT cũng như tất cả thư từ và tài liệu liên quan đến HSDT trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời thầu được viết bằng ngôn ngữ quy định tại **BDL**.
10. Thành phần của HSDT	10.1. HSDT gồm HSĐXKT và HSĐXTCTM, trong đó: a) HSĐXKT phải gồm hồ sơ về hành chính, pháp lý, hồ sơ về năng lực và kinh nghiệm (trong trường hợp nhà đầu tư phải cập nhật về năng lực, kinh nghiệm theo quy định tại Mục 12 CDNĐT), đề xuất về kỹ thuật của nhà đầu tư theo yêu cầu của HSMT. Cụ thể như sau: - Đơn dự thầu đề xuất về kỹ thuật quy định tại Mục 11 CDNĐT; - Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu đề xuất về kỹ thuật theo quy định tại Mục 11 CDNĐT; - Thỏa thuận liên danh (trong trường hợp thay đổi liên danh) theo Mẫu số 03 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu; - Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17 CDNĐT; - Tài liệu cập nhật, bổ sung năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư theo quy định tại Mục 12 CDNĐT; - Đề xuất về kỹ thuật theo quy định tại Mục 13 CDNĐT.

	b) HSĐXTCTM phải gồm các thành phần sau đây: - Đơn dự thầu đề xuất tài chính - thương mại theo quy định tại Mục 11 CDNĐT; - Đề xuất về tài chính - thương mại và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 15 CDNĐT. 10.2. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT theo quy định tại Mục 14 CDNĐT, kèm theo đề xuất về tài chính - thương mại liên quan đến phương án kỹ thuật thay thế (nếu có). 10.3. Nội dung khác nêu tại **BDL**.
11. Đơn dự thầu	11.1. Đơn dự thầu gồm đơn dự thầu đề xuất về kỹ thuật và đơn dự thầu đề xuất về tài chính - thương mại và phải được chuẩn bị theo Mẫu số 01 và Mẫu số 08 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. 11.2. Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn dự thầu phải được được ký tên và đóng dấu (nếu có) bởi đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư là người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư hoặc người được người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền. Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu). Bản gốc giấy ủy quyền (lập theo

	Mẫu số 02 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu) phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn dự thầu. 11.3. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh là người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền. Trường hợp ủy quyền, thực hiện tương tự nhà đầu tư độc lập theo quy định tại Mục 11.2 CDNĐT.
12. Cam kết, cập nhật năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư	12.1. Khi tham dự thầu, nhà đầu tư phải có cam kết bằng văn bản về việc vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm để thực hiện dự án. 12.2. Trường hợp có sự thay đổi so với thông tin kê khai trong hồ dự sơ tuyển, nhà đầu tư phải kê khai bằng văn bản (kèm theo tài liệu) để cập nhật năng lực, kinh nghiệm của mình cho bên mời thầu. Bên mời thầu phải tổ chức đánh giá lại năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư theo phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá nêu trong HSMST. 12.3. Văn bản cam kết về việc vẫn đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án, tài liệu để cập nhật năng lực, kinh nghiệm được nộp cùng HSDT và được coi là một bộ phận của HSDT.
13. Thành phần đề xuất về kỹ thuật	Trong HSĐXKT, nhà đầu tư phải nộp một đề xuất về kỹ thuật gồm các nội dung theo quy định tại **BDL** và bất kỳ thông tin nào khác theo quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.

14. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT	14.1. Nhà đầu tư được đề xuất phương án kỹ thuật thay thế ngoài phương án nêu trong báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt. 14.2. Nhà đầu tư phải cung cấp tất cả thông tin cần thiết để bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế.
15. Thành phần đề xuất về tài chính - thương mại	15.1. Trong HSĐXTCTM, nhà đầu tư phải nộp một đề xuất về tài chính - thương mại gồm các nội dung theo quy định tại **BDL** và bất kỳ thông tin nào khác theo quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. 15.2. Nhà đầu tư phải có trách nhiệm hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT trên cơ sở phương án tài chính và giá, phí sản phẩm, dịch vụ công (đối với phương pháp so sánh, xếp hạng theo tiêu chuẩn giá, phí sản phẩm, dịch vụ công) hoặc vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng (đối với phương pháp so sánh, xếp hạng theo tiêu chuẩn vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng) hoặc đề xuất nộp ngân sách nhà nước hoặc thời gian thực hiện hợp đồng (đối với phương pháp so sánh, xếp hạng theo tiêu chuẩn lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước) mà nhà đầu tư đề xuất.
16. Đồng tiền dự thầu	Đồng tiền dự thầu theo quy định tại **BDL**.
17. Bảo đảm dự thầu	17.1. Khi tham dự thầu, nhà đầu tư phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại **BDL**. 17.2. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau: a) Từng thành viên liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không

	thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 17.1 CDNĐT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17.5 CDNĐT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên liên danh sẽ không được hoàn trả; b) Các thành viên liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 17.1 CDNĐT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17.5 CDNĐT thì bảo đảm dự thầu sẽ không được hoàn trả. 17.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định Mục 17.1 CDNĐT, không đúng tên bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi bên mời thầu phát hành HSMT, ký trước thời điểm ký thỏa thuận liên danh đối với trường hợp liên danh, có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.

	17.4. Trường hợp nhà đầu tư được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà đầu tư thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng. Trường hợp nhà đầu tư không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn tối đa theo quy định tại **BDL**. 17.5. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây: a) Nhà đầu tư rút HSDT (HSĐXKT, HSĐXTCTM) trong thời gian HSDT còn hiệu lực; b) Nhà đầu tư vi phạm pháp luật về đấu thầu, pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm đ Mục 36.1 CDNĐT; c) Nhà đầu tư không tiến hành hoặc từ chối tiến hành đàm phán, hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã đàm phán, hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký kết hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng; d) Doanh nghiệp dự án PPP do nhà đầu tư thành lập không thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 40 CDNĐT.
18. Thời gian có hiệu lực của HSDT	18.1. HSDT gồm HSĐXKT và HSĐXTCTM phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại **BDL**. HSDT có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá. 18.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, bên mời thầu có thể đề nghị các nhà đầu tư gia hạn hiệu lực của HSDT (gia hạn hiệu lực của cả HSĐXKT và HSĐXTCTM) và yêu

	cầu nhà đầu tư gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian có hiệu lực của HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nhà đầu tư chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT. Nếu nhà đầu tư không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDT thì HSDT của nhà đầu tư không được xem xét, đánh giá tiếp. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.
19. Quy cách HSDT và chữ ký trong HSDT	19.1. Nhà đầu tư phải chuẩn bị HSDT gồm: 01 bản gốc HSĐXKT, 01 bản gốc HSĐXTCTM và một số bản chụp HSĐXKT, HSĐXTCTM theo số lượng quy định tại **BDL**. Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSĐXKT, HSĐXTCTM thì nhà đầu tư phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp với số lượng bằng số lượng bản chụp HSĐXKT, HSĐXTCTM. 19.2. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác không nghiêm trọng giữa bản gốc và bản chụp và không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà đầu tư thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác nghiêm trọng giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà đầu tư thì HSDT của nhà đầu tư đó bị loại. 19.3. Bản gốc của HSĐXKT, HSĐXTCTM, HSDT phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, các

	văn bản bổ sung, làm rõ HSDT (nếu có) và các biểu mẫu khác được lập theo quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên và đóng dấu (nếu có). 19.4. Trường hợp là nhà đầu tư liên danh thì các nội dung của HSDT nêu tại Mục 19.3 CDNĐT phải được đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc của thành viên theo phân công trách nhiệm tại thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). 19.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.
20. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDT	20.1. Bên ngoài túi đựng và trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ "BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT", "BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT", "BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH - THƯƠNG MẠI", "BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH - THƯƠNG MẠI", "BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU". Trường hợp nhà đầu tư có sửa đổi, thay thế HSĐXKT, HSĐXTCTM thì hồ sơ sửa đổi, thay thế phải được đựng trong các túi riêng biệt; bên ngoài túi đựng và trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT SỬA ĐỔI", "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT THAY THẾ", "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH - THƯƠNG MẠI SỬA ĐỔI", "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH - THƯƠNG MẠI THAY THẾ" ; đánh dấu rõ các bản gốc, bản chụp tương ứng.

	Các túi đựng riêng biệt: HSĐXKT, HSĐXTCTM, HSĐXKT sửa đổi, HSĐXTCTM sửa đổi, HSĐXKT thay thế, HSĐXTCTM thay thế. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà đầu tư. 20.2. Trên các túi đựng hồ sơ phải ghi đầy đủ các thông tin: a) Tên và địa chỉ của nhà đầu tư; b) Tên người nhận là tên bên mời thầu theo quy định tại Mục 1.1 CDNĐT; c) Tên dự án theo quy định tại Mục 1.5 CDNĐT; d) Ghi dòng chữ cảnh báo: "không được mở trước thời điểm mở HSĐXKT" đối với túi đựng HSĐXKT và túi đựng HSĐXKT sửa đổi, HSĐXKT thay thế (nếu có); "không được mở trước thời điểm mở HSĐXTCTM" đối với túi đựng HSĐXTCTM và túi đựng HSĐXTCTM sửa đổi, HSĐXTCTM thay thế (nếu có). 20.3. Trong trường hợp HSDT gồm nhiều tài liệu, nhà đầu tư cần thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản HSDT của bên mời thầu được thuận tiện, bảo đảm sự toàn vẹn của HSDT, tránh thất lạc, mất mát. 20.4. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không thực hiện theo quy định của HSMT này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển đến bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn quy định tại các Mục 20.1 và 20.2 CDNĐT. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà đầu tư không thực hiện đúng quy định nêu trên.

21. Thời điểm đóng thầu	21.1. Nhà đầu tư nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT đến địa chỉ của bên mời thầu theo quy định tại Mục 1.1 CDNĐT nhưng phải bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu quy định tại **BDL**. Bên mời thầu tiếp nhận HSDT của các nhà đầu tư có tên trong danh sách ngắn nộp trước thời điểm đóng thầu. Nhà đầu tư phải trả cho bên mời thầu khoản tiền bằng giá bán HSMT nêu tại **BDL** trước khi HSDT được tiếp nhận. 21.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu trong trường hợp sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.2 CDNĐT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của bên mời thầu và nhà đầu tư theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn. 21.3. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho các nhà đầu tư đã nhận HSMT hoặc đã nộp HSDT. Khi thông báo, bên mời thầu sẽ ghi rõ thời điểm đóng thầu mới được gia hạn để nhà đầu tư có đủ thời gian sửa đổi hoặc bổ sung HSDT theo yêu cầu mới. Nhà đầu tư đã nộp HSDT có thể nhận lại để sửa đổi, bổ sung HSDT của mình. Trường hợp nhà đầu tư chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDT thì bên mời thầu quản lý HSDT đó theo chế độ quản lý hồ sơ "mật".
22. HSDT nộp muộn	Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSDT nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ HSDT nào mà bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSDT nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà đầu tư.

23. Sửa đổi, thay thế, rút HSDT	23.1. Sau khi nộp HSDT, nhà đầu tư có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT bằng cách gửi văn bản đề nghị do đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có) đến bên mời thầu. Nhà đầu tư phải gửi kèm theo các tài liệu theo quy định tại Mục 11 CDNĐT chứng minh tư cách hợp lệ của của người ký văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT. 23.2. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDT phải được gửi kèm với văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế và phải bảo đảm các điều kiện sau: a) Được nhà đầu tư chuẩn bị và nộp cho bên mời thầu theo quy định tại Mục 19 và Mục 20 CDNĐT; b) Được bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21 CDNĐT. 23.3. Văn bản đề nghị rút HSDT phải bảo đảm được bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21 CĐNĐT. HSDT mà nhà đầu tư yêu cầu rút sẽ được trả lại cho nhà đầu tư.
24. Bảo mật	24.1. Bên mời thầu tiếp nhận và quản lý các HSDT đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà đầu tư hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà đầu tư cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà đầu tư này cho nhà đầu tư khác, trừ thông tin được công khai khi mở HSDT. 24.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT theo quy định tại Mục 25 CDNĐT, nhà đầu tư không được phép tiếp

	xúc với bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến dự án trong suốt thời gian từ khi mở HSDT cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư.
25. Làm rõ HSDT	25.1. Sau khi mở thầu, nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ đối với các nội dung đề xuất về mặt kỹ thuật, tài chính - thương mại nêu trong HSDT theo yêu cầu của bên mời thầu. Văn bản yêu cầu làm rõ phải quy định thời hạn làm rõ của nhà đầu tư (thời hạn này phải phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, bảo đảm nhà đầu tư có đủ thời gian chuẩn bị các tài liệu làm rõ HSDT). Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến yêu cầu về mặt kỹ thuật, tài chính - thương mại, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà đầu tư không có văn bản làm rõ hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của bên mời thầu thì bên mời thầu sẽ đánh giá HSDT của nhà đầu tư theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. 25.2. Việc làm rõ đối với các nội dung đề xuất về mặt kỹ thuật, tài chính - thương mại nêu trong HSDT của nhà đầu tư phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp. 25.3. Việc làm rõ chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà đầu tư có HSDT cần phải làm rõ. Tất cả yêu cầu làm rõ của bên mời thầu và phản hồi của nhà đầu tư phải được thực hiện bằng văn bản theo một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail. Tài liệu làm rõ HSDT được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT.

26. Ưu đãi trong lựa chọn nhà đầu tư	26.1. Đối tượng được hưởng ưu đãi và mức ưu đãi: a) Nhà đầu tư có hồ sơ đề xuất dự án được chấp thuận được hưởng mức ưu đãi 5% khi đánh giá HSDT; b) Nhà đầu tư có cam kết sử dụng nhà thầu trong nước tham gia thực hiện dự án với giá trị công việc chiếm tỷ lệ từ 25% tổng mức đầu tư của dự án trở lên được hưởng mức ưu đãi 3% khi đánh giá HSDT; c) Nhà đầu tư khi tham gia lựa chọn nhà đầu tư quốc tế có cam kết sử dụng hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị trong nước để thực hiện dự án với giá trị chiếm tỷ lệ từ 25% tổng mức đầu tư của dự án trở lên được hưởng mức ưu đãi 2% khi đánh giá hồ sơ dự thầu. 26.2. Nguyên tắc ưu đãi: a) Nhà đầu tư tham dự thầu thuộc đối tượng được hưởng nhiều hơn một loại ưu đãi thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng mức cao nhất theo quy định của HSMT; b) Trường hợp sau khi tính ưu đãi, nếu các HSDT xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên cho nhà đầu tư có hồ sơ đề xuất dự án được chấp thuận; c) Trường hợp nhà đầu tư thuộc đối tượng ưu đãi quy định tại điểm b và điểm c Mục 26.1 CDNĐT được lựa chọn ký kết hợp đồng nhưng không thực hiện theo đúng cam kết trong HSDT và hợp đồng dự án PPP thì sẽ bị xử phạt theo quy định tại hợp đồng dự án PPP. Trong trường hợp này, hợp đồng dự án PPP phải quy định điều khoản xử phạt cụ thể tương ứng với mức ưu đãi nhà đầu tư được hưởng khi đánh giá HSDT. 26.3. Cách tính ưu đãi theo quy định tại **BDL**.

27. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung	Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá HSDT: 27.1. "Sai khác" là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT; 27.2. "Đặt điều kiện" là việc nhà đầu tư đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMT; 27.3. "Bỏ sót nội dung" là việc nhà đầu tư không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMT.
28. Xác định tính đáp ứng của HSDT	28.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNĐT. 28.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu cơ bản nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản là những điểm trong HSDT mà nếu được chấp thuận hoặc cho nhà đầu tư sửa đổi, bổ sung, thay thế sẽ: a) Gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi và yêu cầu về mặt kỹ thuật, công nghệ, chất lượng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, sản phẩm, dịch vụ công; b) Gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT đối với quyền hạn của bên mời thầu, cơ quan ký kết hợp đồng dự án, cơ quan có thẩm quyền hoặc nghĩa vụ của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án trong hợp đồng; c) Gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà đầu tư khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT.

	28.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các nội dung về kỹ thuật của HSDT theo Mục 13 CDNĐT và việc kiểm tra đề xuất về kỹ thuật nhằm khẳng định rằng tất cả yêu cầu nêu trong Phần 2 - Yêu cầu thực hiện dự án đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót các nội dung cơ bản. 28.4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT đó nhằm làm cho HSDT trở thành đáp ứng cơ bản HSMT.
29. Sai sót không nghiêm trọng	29.1. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT thì bên mời thầu có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT. 29.2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ khía cạnh nào của đề xuất về tài chính - thương mại của nhà đầu tư; nếu không đáp ứng yêu cầu nói trên của bên mời thầu thì HSDT của nhà đầu tư có thể sẽ bị loại. 29.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, bên mời thầu sẽ điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến đề xuất về tài chính - thương mại của nhà đầu tư. Theo

	đó, đề xuất về tài chính - thương mại của nhà đầu tư sẽ được điều chỉnh cho các hạng mục sai khác so với yêu cầu của HSMT theo quy định tại Mục 33.2 CDNĐT.
30. Mở HSĐXKT	30.1. Ngoại trừ các trường hợp HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 22 CDNĐT và HSDT mà nhà đầu tư yêu cầu rút theo quy định tại Mục 23.3 CDNĐT, bên mời thầu phải mở công khai và đọc rõ các thông tin theo điểm b Mục 30.2 CDNĐT của tất cả HSĐXKT thuộc HSDT đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. Việc mở HSĐXKT phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại **BDL** trước sự chứng kiến đại diện của các nhà đầu tư tham dự lễ mở HSĐXKT và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc mở HSĐXKT không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà đầu tư tham dự thầu. Chỉ có các HSĐXKT được mở và đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá. 30.2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà đầu tư và theo trình tự sau đây: a) Kiểm tra niêm phong; b) Mở bản gốc HSĐXKT, HSĐXKT sửa đổi (nếu có) hoặc HSĐXKT thay thế (nếu có) và đọc rõ những thông tin sau: tên nhà đầu tư, số lượng bản gốc, bản chụp HSĐXKT, thời gian có hiệu lực của HSĐXKT, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị, hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà bên mời thầu thấy cần thiết;

	c) Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu đề xuất về kỹ thuật, giấy uỷ quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có), bảo đảm dự thầu; các nội dung quan trọng của từng HSĐXKT. Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ các HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 22 CDNĐT và HSDT mà nhà đầu tư yêu cầu rút theo quy định tại Mục 23.3 CDNĐT. 30.3. Đối với trường hợp rút HSDT: Bên mời thầu sẽ mở và đọc rõ các thông tin trong văn bản đề nghị rút HSDT. HSDT của nhà đầu tư có đề nghị rút HSDT (gồm HSĐXKT và HSĐXTCTM) sẽ trả lại cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư rút HSDT và vẫn mở HSDT tương ứng nếu văn bản đề nghị rút HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư và phải được công khai trong lễ mở thầu. 30.4. Đối với trường hợp sửa đổi HSĐXKT Bên mời thầu sẽ tiến hành mở túi đựng và đọc rõ thông tin tại văn bản đề nghị sửa đổi HSĐXKT, HSĐXKT sửa đổi trước khi mở túi đựng và đọc rõ thông tin trong HSĐXKT ban đầu của nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư sửa đổi HSĐXKT nếu văn bản đề nghị sửa đổi HSĐXKT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. 30.5. Đối với trường hợp thay thế HSĐXKT Bên mời thầu sẽ tiến hành mở túi đựng và đọc rõ

	thông tin tại văn bản đề nghị thay thế HSĐXKT, HSĐXKT thay thế. HSĐXKT ban đầu sẽ được trả lại cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư thay thế HSĐXKT nếu văn bản đề nghị thay thế HSĐXKT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. 30.6. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó gồm các thông tin quy định tại Mục 30.2, 30.3 và 30.4 và 30.5 CDNĐT. Đại diện của các nhà đầu tư tham dự lễ mở thầu sẽ được yêu cầu ký vào biên bản. Việc thiếu chữ ký của nhà đầu tư trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà đầu tư có tên trong danh sách ngắn tham dự thầu.

(Xem tiếp Công báo số 1009 + 1010)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng